



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018





cùng vươn tầm



NỘI DUNG

06	Những cột mốc phát triển của MSB
08	Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị
10	Thông điệp từ Tổng Giám đốc
12	Tổng quan hoạt động năm 2018
16	Dịch vụ Tài chính Ngân hàng dành cho Khách hàng Cá nhân
20	Dịch vụ Tài chính Ngân hàng dành cho Khách hàng Doanh nghiệp
24	Dịch vụ Tài chính Ngân hàng dành cho Khách hàng Định chế Tài chính
28	Đẩy mạnh đầu tư hệ thống công nghệ nhằm hiện thực hóa mục tiêu chiến lược của MSB
30	Công nghệ hóa hoạt động nhân sự để gia tăng hiệu quả, nâng cao trải nghiệm khách hàng nội bộ
34	Quản lý rủi ro để đảm bảo hoạt động an toàn và bền vững
38	Giải thưởng và Danh hiệu
40	Mô hình Quản trị MSB
41	Sơ đồ tổ chức
42	Hội đồng Quản trị
44	Ban kiểm soát
45	Ban điều hành
	Báo cáo Tài chính
	Mạng lưới Chi nhánh và Phòng Giao dịch

NHỮNG CỘT MỐC PHÁT TRIỂN CỦA MSB (1991 - 2019)

Là Ngân hàng TMCP được cấp giấy phép thành lập đầu tiên của Việt Nam - Giấy phép số 0001/NH - GP năm 1991 - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) ra đời đánh dấu một bước đột phá trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế của đất nước và cũng là một minh chứng rõ nét cho tiềm năng phát triển to lớn của mô hình ngân hàng TMCP về sau.

MSB thành lập là kết quả từ tinh thần tiên phong đổi mới và tư duy nhạy bén của các cổ đông sáng lập: Cục Hàng Hải Việt Nam, Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Cục Hàng không dân dụng Việt Nam và các cổ đông khác.

Tinh thần tiên phong đó luôn thể hiện rõ nét trong suốt hành trình gần 28 năm xây dựng và phát triển của MSB, xuyên suốt tại tất cả các lĩnh vực như: công nghệ, sản phẩm, dịch vụ. Năm 2019, MSB tiếp tục có những bước chuyển đổi lớn, tiên phong số hóa trên nhiều hoạt động của ngân hàng để mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất.



2018

Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam liên kết tính năng M-QR cùng lúc với hai cổng thanh toán lớn nhất tại Việt Nam là VNPAY và Payoo, giúp khách hàng kết nối và thanh toán tiện lợi với gần 4.500 địa điểm giao dịch mua sắm cũng như hàng trăm trang website bán hàng trực tuyến khác nhau như: Lotte Mart, B's mart, ThaiExpress, Hotpot Story, taxi Nội Bài,... Là ngân hàng tiên phong sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc xác minh và phê duyệt hồ sơ xin cấp thẻ tín dụng của khách hàng. Qua đó, khách hàng sẽ có thẻ trong vòng 24 giờ mà không cần chứng minh tài chính, rút ngắn được thời gian chờ đợi của khách hàng và giảm thiểu rủi ro cho ngân hàng. Với sự tư vấn của McKinsey, công ty tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới, MSB hoàn thành công tác hoạch định chiến lược phát triển mới của ngân hàng, bước vào giai đoạn tăng tốc 2019 - 2023. Hoạt động kinh doanh năm đầu tiên 2018 đã đạt được những thành quả ấn tượng với lợi nhuận trước thuế đạt 6,4 lần so với lợi nhuận năm 2017. Dự nợ cho vay khách hàng tăng mạnh, gần 35%, tổng tài sản tăng 23% so với cuối năm 2017. Ngay vào đầu năm 2019, Ngân hàng triển khai những thay đổi lớn về chiến lược, nhận diện thương hiệu và mô hình trải nghiệm khách hàng nhằm mang đến cho khách hàng những trải nghiệm “khó cưỡng” thông qua 4 nguyên tắc trụ cột: Đơn giản - Chủ động - Kết nối - Thấu hiểu; hướng đến thực hiện thành công mục tiêu: “Trở thành ngân hàng đáng tin cậy, thấu hiểu khách hàng nhất và đạt lợi nhuận cao tại Việt Nam”.

2015

Nhận sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông, MSB gia tăng quy mô và khẳng định vị thế trên thị trường tài chính, thuộc top 5 ngân hàng TMCP xét về mạng lưới và vốn điều lệ. Tổng tài sản đạt: 104.311 tỷ. Vốn điều lệ đạt: 11.750 tỷ. Vốn chủ sở hữu: 14.000 tỷ. Hệ thống mạng lưới: 270 chi nhánh/PGD

2014

MSB được Ngân hàng Nhà nước lựa chọn là 1 trong 10 ngân hàng triển khai Basel II và trở thành 1 trong 5 ngân hàng điện tử được yêu thích nhất năm 2014 theo bình chọn của bạn đọc báo VnExpress.

2010

Ký kết với nhà tư vấn chiến lược hàng đầu trên thế giới McKinsey, ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới với sự kết hợp hai màu đỏ và đen ấn tượng; tăng vốn điều lệ lên 5.000 tỷ đồng; tăng số lượng phòng giao dịch lên 144 điểm.

Ra mắt gói sản phẩm M1 với những tính năng đột phá, hấp dẫn nhất trên thị trường như: chuyển tiền liên ngân hàng không mất phí, hạn mức rút và chuyển tiền cao nhất trên thị trường, tích hợp nhiều tính năng phong phú đáp ứng hầu hết các nhu cầu của người sử dụng.

Đón nhận huân chương lao động hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng vì những nỗ lực trong việc mang đến các sản phẩm dịch vụ tối ưu cho khách hàng vào năm 2011.

2005

Chuyển trụ sở chính đến thủ đô Hà Nội với 16 điểm giao dịch trên toàn quốc. Trong 4 năm sau đó (2005 -2009), số phòng giao dịch MSB tăng lên gần gấp 7 lần với 100 điểm giao dịch và vốn điều lệ tăng lên 3.000 tỷ đồng.

Đánh dấu sự phát triển mới của MSB, mở rộng phạm vi hoạt động cả về địa lý lẫn quy mô khách hàng.

1991

Chính thức thành lập tại TP. Hải Phòng với số vốn ban đầu 40 tỷ đồng và một vài chi nhánh tại 4 tỉnh thành lớn: Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, TP.HCM.

Ngay sau khi thành lập, MSB ghi dấu ấn lớn trong ngành ngân hàng Việt Nam khi tiên phong ứng dụng hệ thống công nghệ hiện đại:

- Là Ngân hàng đầu tiên ứng dụng mạng máy tính LAN và WAN rút ngắn thời gian chuyển tiền từ hàng tuần xuống còn vài phút.
- Là Ngân hàng Thương mại đầu tiên xin được giấy phép thanh toán quốc tế.
- Xây dựng phần mềm Core Banking dùng dữ liệu tập trung đầu tiên tại Việt Nam và được nhân bản sử dụng trong hầu hết các ngân hàng trong thời gian dài.

**MARITIME
BANK**



MSB

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

**THAY ĐỔI
NHẬN DIỆN
THƯƠNG HIỆU**

từ 14/01/2019

THÔNG ĐIỆN TỪ CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác!

Năm 2018 được xem là năm bản lề cho sự đột phá của MSB trong giai đoạn mới. Đây là năm MSB gặt hái được những thành quả vượt trội, một kết quả tất yếu cho sự kiên định trong đầu tư củng cố hệ thống nền tảng, liên tục đổi mới trong suốt nhiều năm qua. Với mục tiêu xây dựng một ngân hàng phát triển bền vững, ổn định và an toàn, trong nhiều năm liền, MSB đã dành những khoản đầu tư lớn tập trung vào việc xây dựng các nền tảng cơ sở và kiện toàn hoạt động của hệ thống bất kể sự tác động thuận lợi hay khó khăn của nền kinh tế nói chung. Chúng tôi hiểu rằng một nền tảng vững vàng sẽ là một bệ phóng mạnh mẽ nhất bảo đảm thành công cho những chiến lược phát triển đột phá của ngân hàng trong giai đoạn mới. Đồng hành trong 2 năm 2017 và 2018, Ban lãnh đạo MSB cùng Mc Kinsey, công ty tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới, đã hoạch định chiến lược kinh doanh mới của ngân hàng với những mục tiêu, trọng tâm và hướng phát triển rất rõ ràng cụ thể.

Ở thời điểm này, tôi có thể tự hào nói rằng MSB đã sẵn sàng thể và lực để tự tin đạt đến những mục tiêu đầy tham vọng được đặt ra trong giai đoạn 2019 - 2023. Chúng tôi đang có một mạng lưới gần 300 chi nhánh, phòng giao dịch cùng hơn 500 ATM trải rộng đến 51 tỉnh thành trên cả nước. Không chỉ phát triển kênh giao dịch truyền thống này, với sự đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống công nghệ, khách hàng MSB còn có thể dễ dàng thực hiện giao dịch ngân hàng thông qua nhiều kênh hiện đại khác như: Internet Banking, Mobile Banking, thanh toán qua mã QR, Samsung Pay bên cạnh việc dùng thẻ...

Năm 2018, MSB cũng ghi dấu ấn đặc biệt khi là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong việc đánh giá và cấp thẻ tín dụng cho khách hàng. Nhờ đó, Ngân hàng rút ngắn được hơn 70% thời gian cấp thẻ cho khách hàng, hiệu suất bán hàng của nhân viên kinh doanh tăng gấp hơn 10 lần hiệu suất thông thường và chất lượng tín dụng vẫn đạt yêu cầu. Nền tảng công nghệ hiện đại được đầu tư đúng hướng đã không những giúp MSB số hóa và tinh gọn các hoạt động vận hành nhằm gia tăng năng suất làm việc, mà còn gia tăng khả năng phân tích dữ liệu nâng cao từ đó chủ động tư vấn tới khách hàng các gói giải pháp tài chính toàn diện, giúp họ chủ

động hơn trong việc phát triển kinh doanh và nâng tầm chất lượng cuộc sống của mình. Bên cạnh đó, MSB đang sở hữu một đội ngũ gần 7.000 CBNV giàu nhiệt huyết và chuyên nghiệp, được dẫn dắt bởi những lãnh đạo giàu kinh nghiệm và có uy tín cao trong thị trường tài chính ngân hàng trong nước và khu vực. Thực thi các giá trị cốt lõi Trách nhiệm - Lắng nghe - Tôn trọng - Sáng tạo - Hiệu quả, mỗi CBNV sẽ là một đại sứ MSB mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đồng thời xây dựng nên một môi trường làm việc Minh bạch - Cởi mở - Hiệu suất cao, nơi vun đắp và chấp cánh cho nhiều tài năng phát triển.

Nhờ những nền tảng vững chắc, năm 2018, MSB đã gặt hái kết quả kinh doanh ấn tượng với tổng tài sản tăng 22,7% so với cuối năm 2017, lợi nhuận trước thuế đạt mốc hơn 1.050 tỷ đồng, đạt 6,4 lần năm 2017. Sự khởi đầu mạnh mẽ trong năm bản lề 2018 là tiền đề quan trọng để MSB tiếp tục triển khai sự thay đổi toàn diện từ nhận diện thương hiệu đến mô hình trải nghiệm trong năm 2019 theo định hướng chiến lược 5 năm 2019 - 2023 để đưa MSB trở thành ngân hàng đáng tin cậy, thấu hiểu khách hàng nhất và đạt lợi nhuận cao tại Việt Nam. Một MSB hoàn toàn mới tràn đầy năng lượng, hiện đại và chuyên nghiệp sẽ mang đến cho khách hàng những trải nghiệm khó cưỡng thông qua 4 nguyên tắc trụ cột: Đơn giản - Chủ động - Kết nối - Thấu hiểu.

Đặc biệt, kế hoạch niêm yết cổ phiếu MSB tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM vào Quý 3/2019 sẽ là một cú hích mạnh mẽ đưa MSB lên tầm cao mới, mở rộng quy mô và minh bạch trong hoạt động, tạo niềm tin và mang giá trị gia tăng nhiều hơn nữa đến cho khách hàng, đối tác và các cổ đông.

Trân trọng,



TRẦN ANH TUẤN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị





THÔNG điệp từ TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Khách hàng, Đối tác và Cổ đông!

Trước tiên, thay mặt Hội đồng Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên (CBNV), tôi xin gửi lời cảm ơn Quý khách hàng, đối tác và cổ đông đã luôn tin nhiệm, ủng hộ và đồng hành cùng MSB trong suốt thời gian qua.

Với mục tiêu xây dựng một nền tảng vững chắc, tạo nội lực mạnh mẽ hướng tới sự phát triển bứt phá trong giai đoạn mới 2019 - 2023, MSB đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong năm 2018, hoàn thành tốt 8 mục tiêu đã đặt ra từ đầu năm.

Cụ thể:

Tính đến hết năm 2018, tổng tài sản của Ngân hàng đạt gần 138 nghìn tỷ đồng, tăng 23% so với cuối năm 2017, trong đó cho vay khách hàng tăng vượt bậc đạt 135% so với năm trước, tổng tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá đạt mức tăng trưởng 112% so với cùng kỳ năm ngoái.

Năm 2018 còn ghi nhận sự tăng trưởng mạnh của MSB về tổng thu nhập, tăng 45% so với năm 2017 trong đó thu nhập lãi thuần tăng 81%, thu thuần từ hoạt động dịch vụ tăng gần gấp đôi so với năm 2017 và gần gấp 3 lần so với năm 2016. Kết quả là lợi nhuận trước thuế đạt hơn 1.053 tỷ đồng, đạt 6,4 lần năm 2017.

Nhiều chương trình, sản phẩm dịch vụ mang đến những tiện ích khác biệt ra mắt trong 2018 đã tạo nên sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô cho 2 mảng kinh doanh lõi của MSB đó là tăng trưởng cho vay khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng 69% và cho vay khách hàng cá nhân tăng 29% so với cùng kỳ năm trước, số lượng khách hàng cũng vì vậy được gia tăng nhanh chóng trong năm qua. Tính đến thời điểm hiện nay, số lượng khách hàng cá nhân đạt hơn 1,8 triệu người, tăng gần 15%; số lượng khách hàng doanh nghiệp đạt hơn 40.000 doanh nghiệp, tăng 10% so với cuối năm 2017.

Song song đó, các dự án công nghệ chiến lược như: LOS, HRIS, Sales Management, Business Intelligent, E-Invoice... đã được MSB triển khai hiệu quả nhằm tăng mức độ tự động hóa, năng suất làm việc và nâng cao chất lượng vận hành cho hệ thống. Việc tinh giản hệ thống văn bản định chế nội bộ, online hóa việc soạn thảo, ban hành văn bản và phê duyệt nội bộ cũng đã được triển khai nhằm tăng cường chất lượng công việc, rút ngắn thời gian thực hiện, giúp công việc đơn giản và thông suốt hơn. MSB cũng đạt được bước tiến vượt bậc trong việc nâng cao trải nghiệm khách hàng. Kết quả khảo sát gần nhất cho thấy các chỉ số đo lường trải nghiệm khách hàng của MSB đều cao hơn so với năm 2017.

Trong đó, chỉ số đo lường sự hài lòng nói chung của khách hàng về sản phẩm dịch vụ của MSB đạt 90 và chỉ số đo lường mức độ sẵn sàng giới thiệu sản phẩm dịch vụ của MSB đến bạn bè, người thân của khách hàng đạt 86, lần lượt tăng 8,4% và 11,7% so với 2017. Theo báo cáo mới nhất của công ty nghiên cứu thị trường Nielsen, năm 2018 đánh dấu mốc tăng trưởng vượt trội về mức độ nhận diện thương hiệu toàn quốc của MSB từ 54% (số liệu quý 3/2017) lên 72%, tăng trưởng 164% so với mục tiêu đề ra. Cùng với đó, mức độ nhận diện thương hiệu tại TP.HCM - là thị trường trọng tâm trong chiến lược phát triển của ngân hàng - cũng đạt mức tăng trưởng cao từ 36% (số liệu quý 3/2017) lên 65%, tăng trưởng 207% so với mục tiêu đề ra.

Đặc biệt, MSB đã hoàn thành việc rà soát tổng thể chiến lược hoạt động với Mc Kinsey và hoàn thiện chiến lược trải nghiệm thương hiệu trên các kênh giao dịch và nhận diện thương hiệu mới với Landor. Kết quả của dự án này là bước chuyển mình toàn diện của MSB cả về chiến lược, nhận diện thương hiệu và mô hình trải nghiệm khách hàng trong năm 2019.

Kể từ ngày 14/1/2019, ngân hàng đã chính thức thay đổi nhận diện thương hiệu và tên viết tắt từ Maritime Bank sang MSB cùng hình ảnh logo mới thân thiện và năng động hơn. Đây là lần thứ hai ngân hàng thay đổi nhận diện thương hiệu trong 28 năm hoạt động nhằm mang đến những trải nghiệm gần gũi hơn cho khách hàng.

MSB cũng đặt mục tiêu trở thành ngân hàng đáng tin cậy, thấu hiểu khách hàng nhất và đạt tỷ suất lợi nhuận cao tại Việt Nam, trong đó giá trị vốn hóa đạt 3,5 tỷ USD, tăng trưởng doanh thu thuần đạt 30% một năm và chỉ số sức khỏe tổ chức đạt ít nhất 80%, lộ trình triển khai kéo dài từ năm 2019 - 2023.

Riêng mục tiêu niêm yết lên thị trường chứng khoán, MSB đã xúc tiến và sẽ tiếp tục hoàn thiện trong năm 2019.

Những kết quả đạt được trong năm 2018 đã đánh dấu bước phát triển mới của MSB để nhanh chóng đạt đến những mục tiêu đầy tham vọng trong giai đoạn 2019 - 2023.

Theo kế hoạch, trong 2019, MSB đặt mục tiêu tổng tài sản tăng 11% và lợi nhuận trước thuế tăng 77% so với năm 2018.

Bên cạnh các mục tiêu tài chính thì năm 2019 cũng được xem là một năm bản lề cho sự thay đổi mạnh mẽ của MSB với các mục tiêu phi tài chính trọng yếu như sau:

- Số hóa trải nghiệm khách hàng, áp dụng công nghệ sinh trắc học đảm bảo tính an toàn bảo mật cao và thuận tiện tối đa cho khách hàng.
- Tự động hóa quy trình nhập liệu, ứng dụng công nghệ robot giúp rút ngắn thời gian xử lý, tăng chất lượng trải nghiệm khách hàng và tăng năng suất lao động.
- Phát triển hệ sinh thái số giúp tích hợp giải pháp thanh toán đa dạng thuận tiện cho khách hàng.
- Cải thiện hiệu quả làm việc bằng việc xây dựng phương châm làm việc tốc độ và hướng tới hiệu quả.
- Chuyển hóa hoạt động của ngân hàng bán lẻ bằng việc tối ưu hóa nguồn lực và quản trị quá trình bán hàng chặt chẽ.

Tôi tin rằng, với tinh thần làm việc “tốc độ và hiệu quả” trong năm 2019, MSB sẽ sớm đạt được những mục tiêu đã đề ra.

Xin chân thành cảm ơn và kính chúc quý vị dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng,



HUỲNH BỬU QUANG

Tổng Giám đốc



TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG NĂM 2018



Năm 2018 được xem là năm kiện toàn những nền tảng vững chắc, tạo lực đẩy mạnh mẽ để MSB phát triển nhanh và mạnh cho giai đoạn 5 năm tiếp theo 2019 - 2023. Những kết quả tích cực MSB đạt được trong năm nay là minh chứng rõ nét cho sự đúng đắn của chiến lược kinh doanh hướng đến phát triển ổn định và bền vững được MSB kiên trì thực hiện trong nhiều năm qua thông qua nhiều hoạt động về đầu tư xây dựng nền tảng đến chuyển đổi cơ cấu doanh thu, phát triển khách hàng theo hướng bền vững; đưa MSB vượt kế hoạch đã đặt ra ở hầu hết các chỉ số tài chính.

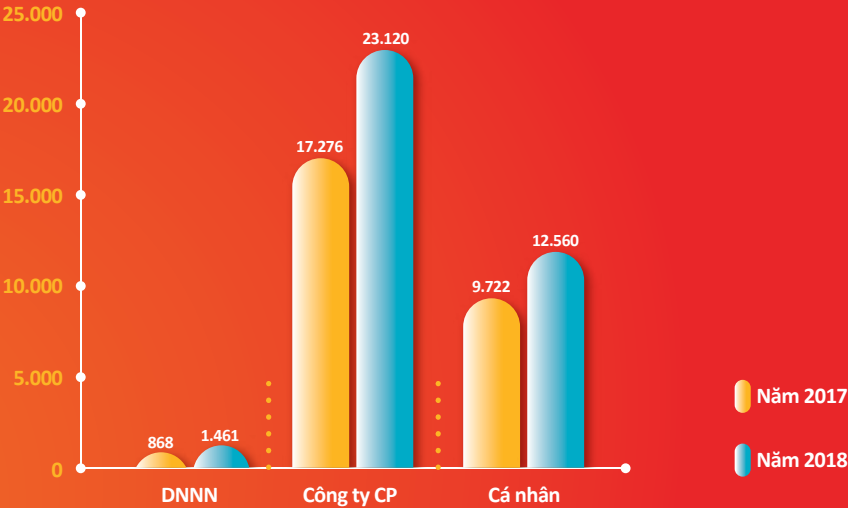
Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản năm 2018 của Ngân hàng tăng trưởng mạnh, đạt 123% so với cuối kỳ năm 2017, cụ thể tăng từ 112.239 tỷ đồng lên gần 137.769 tỷ đồng; trong đó cho vay khách hàng với mức tăng vượt bậc đạt 135% so với năm trước, tổng tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá đạt mức tăng trưởng 112% so với cùng kỳ năm ngoái.

Cho vay khách hàng

Cho vay khách hàng tiếp tục tăng trưởng mạnh đạt 135% so với cuối kỳ 2017, trong đó nhóm khách hàng doanh nghiệp tăng trưởng 37%, đặc biệt nhóm Khách hàng lõi là doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng trưởng 69%. Bên cạnh đó, nhóm khách hàng cá nhân cũng có sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, đạt 129% so với năm trước. Bên cạnh việc liên tục tăng trưởng cho vay, Ngân hàng luôn thực hiện kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ nợ xấu, đảm bảo dưới 3% theo yêu cầu của NHNN.

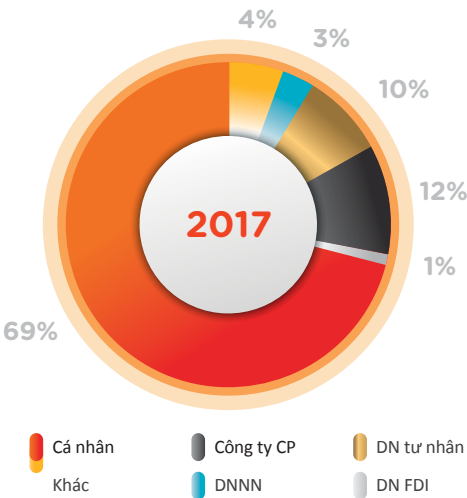
Cơ cấu cho vay theo khách hàng (tỷ VNĐ)



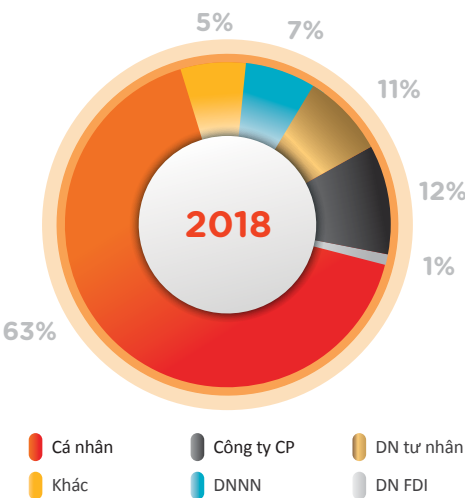
Tiền gửi khách hàng

Tổng tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá đạt mức tăng trưởng 112% so với cuối kỳ 2017. Do đẩy mạnh được hoạt động cho vay nhóm khách hàng trọng tâm doanh nghiệp vừa và nhỏ nên tiền gửi của nhóm khách hàng này cũng đạt tăng trưởng 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, tiếp tục định hướng đẩy mạnh tăng trưởng tiền gửi không kỳ hạn để giảm chi phí vốn cho Ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn năm 2018 tăng trưởng 17% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu tiền gửi Ngắn/Trung dài hạn cũng được điều chỉnh theo hướng giảm, tỷ trọng tiền gửi dài hạn giảm từ 33,1% năm 2017 xuống còn 27,6% năm 2018 giúp Ngân hàng có thể tối ưu hóa lợi nhuận đồng thời luôn kiểm soát chặt chẽ các hệ số cho vay trung dài hạn để đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh.

Tỷ trọng tiền gửi theo khách hàng 2017 (bao gồm GTCG)



Tỷ trọng tiền gửi theo khách hàng 2018 (bao gồm GTCG)



Vốn chủ sở hữu và hệ số an toàn vốn

Vốn chủ sở hữu vẫn tiếp tục được duy trì ở mức cao, chiếm tỷ trọng 11% tổng nguồn vốn của Ngân hàng. Hệ số an toàn vốn CAR đạt mức 12,17% tại thời điểm 31.12.2018, cao hơn nhiều so với mức quy định 9% của NHNN. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và hệ số an toàn vốn luôn ở mức cao là cơ sở vững chắc để Ngân hàng tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong các năm tiếp theo.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2018, tổng thu nhập tăng trưởng mạnh đạt 145% so với năm 2017. Những điểm sáng lớn nhất trong bức tranh tổng doanh thu năm 2018 bao gồm thu thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thu thuần từ hoạt động kinh doanh dịch vụ cũng như thu thuần từ lãi. Năm 2018 ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ về thu nhập lãi thuần, đạt 181% so với năm 2017. Về hoạt động kinh doanh ngoại hối, năm 2018 là năm thành công với kết quả rực rỡ, đạt 321% so với kết quả 2017 và cao hơn nhiều so với các năm trước đó (tăng 15,5 lần so với năm 2016). Nhờ hoạt động tích cực trên thị trường ngoại hối, MSB không chỉ đạt được kết quả doanh thu ấn tượng mà còn gặt hái được nhiều giải thưởng lớn trong mảng kinh doanh ngoại hối. Trong 3 năm liên tiếp, MSB được tạp chí The Asian Banking & Finance trao giải: “Ngân hàng ngoại hối tốt nhất Việt Nam”.

Ngoài ra, tăng trưởng mạnh mẽ từ hoạt động kinh doanh dịch vụ cũng ghi nhận cho tính đúng đắn của chiến lược xây dựng một Ngân hàng phát triển ổn định và bền vững. Cụ thể, thu thuần từ hoạt động

kinh doanh dịch vụ đạt 199% so với năm trước, tăng gần 3 lần so với năm 2016. Ngân hàng cũng nhanh chóng bắt nhịp thị trường, gia nhập sân chơi 4.0 qua việc đầu tư lớn cho hệ thống công nghệ để mang đến cho khách hàng những phương thức thanh toán hiện đại và an toàn. Do vậy tổng thu phí thanh toán năm 2018 đạt mức tăng trưởng mạnh 176% so với năm trước và tăng gấp 3 lần so với năm 2016. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào sự tăng trưởng mạnh mẽ của tổng thu nhập MSB.

Năm 2018, Ngân hàng tiếp tục chú trọng vào một số hoạt động đầu tư cho các dự án công nghệ, hạ tầng trọng điểm cũng như đầu tư phát triển nguồn nhân lực nên tổng chi phí (sau khi loại trừ phần chi phí dự phòng) tăng 19% so với năm 2017. Trong đó chi phí nhân sự tăng 27%, chi về tài sản tăng 12% so với năm 2017.

Ngoài ra, do kiểm soát tốt hoạt động cho vay nên chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm 27% so với năm ngoái. Tổng lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng đạt kết quả vượt bậc, gấp 6,4 lần so với năm 2017.

Những kết quả tích cực đạt được trong năm 2018 đã góp phần tạo nền tảng vững chắc để MSB có thể tự tin bứt phá, phát triển mạnh mẽ trong năm 2019, hướng đến mục tiêu trở thành ngân hàng đáng tin cậy nhất, thấu hiểu khách hàng và đạt lợi nhuận cao nhất tại Việt Nam trong giai đoạn 2019 - 2023.



TĂNG TRƯỞNG



DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
DÀNH CHO **KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**



Hướng tới mục tiêu trở thành một trong 10 ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam, trong năm 2018, MSB đã có những cải tiến trong hoạt động của ngân hàng bán lẻ, quy chuẩn các hoạt động theo 4 trụ cột trải nghiệm: Đơn giản - Chủ động - Kết nối - Thấu hiểu để mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng và đối tác.

Đơn giản hóa các hoạt động tín dụng

Trong năm 2018, MSB đẩy mạnh triển khai các dự án “Nghiên cứu xây dựng mô hình thu thập thông tin, đánh giá và cấp hạn mức tín dụng cho khách hàng cá nhân”. Theo đó, Ngân hàng đã triển khai mô hình cung cấp dịch vụ mới dựa trên thể mạnh về nền tảng công nghệ, phân tích, thống kê các dữ liệu thu thập được để cấp nhanh hạn mức tín dụng cho khách hàng. Mô hình mới giúp MSB rút ngắn thời gian cấp thẻ tín dụng cho khách hàng từ 5 ngày xuống còn 8 giờ làm việc. Cùng với đó, MSB cũng đã triển khai Hệ thống Khởi tạo và quản lý khoản vay (LOS) giúp ngân hàng có thể xử lý nhanh chóng và chính xác các hồ sơ vay vốn, rút ngắn thời gian cung cấp dịch vụ tới khách hàng. Chính vì vậy mảng tín dụng khách hàng cá nhân có sự chuyển biến tích cực với tốc độ tăng trưởng tín dụng tăng 29% so với năm 2017.

Chủ động cung cấp các gói giải pháp

Thay vì “bán” cho khách hàng những sản phẩm hiện có, riêng lẻ, MSB chú trọng việc nghiên cứu nhu cầu, thói quen, hành vi giao dịch của khách hàng để đưa ra thị trường những “gói giải pháp” phù hợp nhằm giúp khách hàng gia tăng giá trị tài chính, đạt được các mục tiêu trong kinh doanh và cuộc sống cá nhân. Hàng loạt các gói giải pháp được thiết kế và triển khai thành công mang lại giá trị lớn cho từng nhóm phân khúc khách hàng như: gói M-business dành riêng cho đối tượng cá nhân chủ doanh nghiệp; thẻ VISA travel dành cho nhóm khách hàng trẻ thường xuyên đi du lịch... Nhờ đó, doanh thu từ phí của mảng bán lẻ năm 2018 đã đạt mức tăng trưởng 58% so với năm 2017, doanh số chi tiêu từ thẻ của MSB đã nằm ở top 5 trên thị trường Việt Nam.

Để hỗ trợ triển khai các gói giải pháp ngày càng hiệu quả, MSB đã và đang đẩy mạnh hợp tác với các công ty fintech và phát triển mảng ngân hàng số để có thể số hóa các sản phẩm hiện hữu, tạo ra sự khác biệt trong mô hình dịch vụ tài chính bán lẻ.

Mở rộng mạng lưới kết nối với khách hàng

Với mục tiêu mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, MSB đã liên tục dành những khoản đầu tư lớn để mở rộng mạng lưới phân phối, đa dạng kênh giao dịch, từ trực tiếp đến gián tiếp. Tính đến thời điểm này, MSB hiện có gần 800 điểm giao dịch và ATM trải dài



tại khắp 51 tỉnh thành trên toàn quốc. Hệ thống internet banking, mobile banking luôn được MSB nâng cấp, cải tiến thường xuyên. Thanh toán qua cổng điện tử M-QR, Samsung Pay cũng được Ngân hàng đẩy mạnh.

Không chỉ tăng cường kết nối trong lĩnh vực bán lẻ, MSB còn có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lĩnh vực, từ doanh nghiệp lớn, FDI đến định chế tài chính để mang đến cho khách hàng những gói giải pháp tổng thể từ doanh nghiệp đến CBNV của doanh nghiệp đó, qua đó khách hàng sẽ thuận tiện và có nhiều lợi ích hơn khi sử dụng sản phẩm dịch vụ tài chính cùng với đó giúp Ngân hàng gia tăng hiệu quả hoạt động.

Thấu hiểu các nhu cầu của khách hàng

MSB luôn trân trọng mối quan hệ với khách hàng, luôn quan tâm, lắng nghe để có thể hiểu sâu mong muốn của khách hàng, từ các nhu cầu tài chính trong cuộc sống cho tới hoài bão phát triển kinh doanh và cả những dự định quan trọng trong tương lai. Chính vì vậy, để có thể xây dựng và trang bị hiểu biết tốt hơn về khách hàng cho tất cả các phân khúc, MSB định hướng sẽ tập trung nguồn lực đẩy mạnh khai thác nhóm khách hàng mục tiêu, hướng đến việc thực hiện mô hình kinh doanh đồng bộ, xuyên suốt từ phân khúc khách hàng đến phát triển các gói giải pháp và triển khai bán.

Tối ưu hóa nguồn lực để bứt phá trong 2019

Để có thể hoàn thành các mục tiêu dài hạn trong giai đoạn 2019 - 2023, trong năm 2019, MSB đã đề ra phương hướng, tập trung vào các hoạt động trọng tâm như sau:

Chuẩn hóa lại hệ thống KPIs:

Xây dựng bộ KPIs chuẩn cho tất cả các cấp, đơn vị tại ngân hàng bán lẻ, triển khai một cách hiệu quả các hoạt động quản lý bán hàng, các chiến dịch bán hàng, bán chéo, đẩy mạnh các chuỗi liên kết để gia tăng cơ sở khách hàng và thúc đẩy các hoạt động đào tạo.

Triển khai sản phẩm mũi nhọn, tạo dấu ấn và mang lại hiệu quả kinh tế cao:

Dựa trên nghiên cứu về phân khúc chiến lược, xây dựng tối thiểu 2 sản phẩm mũi nhọn phù hợp với từng đối tượng khách hàng mục tiêu và mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu.

Thực hiện tối ưu hóa, cắt giảm tất cả TAT sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm tín dụng:

Rà soát lại toàn bộ quy trình vận hành sản phẩm từ khâu nghiên cứu, thiết kế, đóng gói đến cách triển khai bán để có thể tiến hành rút ngắn thời gian xử lý khoản vay (TAT) giảm 2/3 cho sản phẩm vay thế chấp và giảm 1/2 cho sản phẩm vay tín chấp.

Đào tạo và bố trí nhân sự một cách hiệu quả:

Sắp xếp, bố trí nhân sự một cách tối ưu, đảm bảo hiệu quả trong toàn bộ các hoạt động triển khai: Xây dựng văn hóa đào tạo tại chi nhánh; Tập trung đào tạo hướng dẫn cho CBNV, ưu tiên việc đào tạo cho CBNV mới tuyển dụng để có thể đạt được mục tiêu tăng năng suất lao động lên 35% trong năm 2019.

Xây dựng Ngân hàng Bán lẻ Số:

Dành tối thiểu 30% nguồn lực của ngân hàng bán lẻ để phối hợp với khối Digital Banking và các đối tác fintech chiến lược xây dựng, triển khai các sản phẩm số hóa, hướng tới mục tiêu ngân hàng bán lẻ số trong tương lai. Bắt kịp xu hướng triển khai các sản phẩm dựa trên AI và Big Data, phát triển tối thiểu 4 gói giải pháp ứng dụng công nghệ mới.

Gia tăng hiệu quả quản trị bán hàng:

Quản trị bán hàng chặt chẽ đến từng nhân viên để đảm bảo hiệu quả và kỷ luật kinh doanh. Xây dựng hệ thống quản lý bán hàng và hệ thống quản trị hiệu quả bán hàng tới từng đơn vị kinh doanh.

Với những mục tiêu cụ thể được đặt ra cùng sự hỗ trợ hiệu quả của các nền tảng ngân hàng vững mạnh, từ mạng lưới rộng, hệ thống công nghệ hiện đại đến nguồn nhân lực chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, mô hình tín dụng tối ưu hóa khả năng phân tích và dự báo nâng cao, hoạt động bán lẻ của MSB trong năm 2019 được kỳ vọng sẽ mang đến những kết quả tích cực hơn nữa, góp phần mang đến lợi nhuận tốt nhất cho toàn hệ thống.





**KHAI TRƯƠNG
MÔ HÌNH
CHI NHÁNH MỚI**

NGẬP TRÀN
QUÀ TẶNG

Hà Nội, ngày 14.05.2019



Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

MSB HÀ NỘI

Số 71 Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam
Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Call Center: (024) 3944 5566 • 1800 599 999
www.msb.com.vn

VĂN



MSB



DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
DÀNH CHO **KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP**



Trong mảng dịch vụ tài chính ngân hàng dành cho khách hàng doanh nghiệp, với mục tiêu phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn 2019 - 2023, ngay từ nhiều năm trước, MSB đã có chiến lược đầu tư để xây dựng một nền tảng vững chắc hỗ trợ cho sự phát triển kinh doanh.

Đặc biệt năm 2018, MSB tập trung đẩy mạnh cơ cấu lại bộ máy tổ chức, đầu tư công nghệ hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng, đồng thời tập trung phát triển các sản phẩm, dịch vụ tối ưu để gia tăng năng lực cạnh tranh, mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng doanh nghiệp.

Phát triển các sản phẩm “vì khách hàng”

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp tư nhân, dễ dàng tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng, MSB đã xây dựng các chương trình thúc đẩy và cung ứng vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi, điển hình như chương trình “5 ngày duyệt nhanh, lãi siêu cạnh tranh”.

Ngân hàng cũng nỗ lực cân đối nguồn vốn nhằm đảm bảo chương trình được duy trì lâu dài, hỗ trợ tối đa doanh nghiệp.

Sau khi triển khai, chương trình đã nhận được phản hồi tích cực từ khách hàng và góp phần tăng tổng dư nợ của ngân hàng trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ lên 69% so với năm 2018. Ngoài ra, MSB lần đầu tiên khởi xướng chương trình Partnership Marketing tại Việt Nam nhằm hỗ trợ tài chính, cung cấp các giải pháp truyền thông cũng như giúp doanh nghiệp kết nối hơn 1,8 triệu khách hàng cá nhân của Ngân hàng.

Khách hàng cũng sẽ được MSB tặng các gói quảng cáo miễn phí có giá trị tới 900 triệu đồng, giúp quảng bá gia tăng hình ảnh để thu hút khách hàng mới nhằm phát triển kinh doanh. Với chương trình này, MSB đã tạo ra một hệ sinh thái vững chắc gồm: ngân hàng - doanh nghiệp - khách hàng cá nhân. Ngân hàng sẽ là cầu nối mang các sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp đến khách hàng cá nhân và các khách hàng cá nhân sẽ được hưởng các ưu đãi đặc biệt khi mua hàng.

Đầu tư công nghệ hiện đại

Ý thức tầm quan trọng của công nghệ trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, MSB đã liên tục đầu tư, cải tiến, nâng cao công nghệ để đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng, đồng thời hỗ trợ cải thiện hơn nữa năng suất của cán bộ nhân viên, điển hình như: Áp dụng công cụ quản trị bán hàng tại ngân hàng doanh nghiệp; phối hợp triển khai Hệ thống khởi tạo khoản vay LOS, Hệ thống xếp hạng

tín dụng Credit Scoring, Hệ thống Banking Data Model... nhằm gia tăng hiệu suất hoạt động và trải nghiệm khách hàng.

Đơn giản quy trình

Trong năm 2018, MSB đã chủ động rà soát và điều chỉnh các quy trình vận hành, chính sách, sản phẩm để có thể mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng như: đơn giản hóa thủ tục vay vốn, tinh giản hóa hồ sơ, giảm bớt các hồ sơ không cần thiết hoặc sử dụng nguồn thông tin khác để thẩm định, hướng tới sự đơn giản hóa thủ tục vay vốn nhưng vẫn đảm bảo an toàn hoạt động.

Tăng trưởng quy mô và thu hút khách hàng

Năm 2018 được xem là năm thành công trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp của MSB với những chỉ số rất khả quan. Ở phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, năm 2018 số lượng khách hàng mới tăng 121% so với năm 2017; Dư nợ trung bình tăng 56%; Huy động vốn trung bình tăng 18% so với năm 2017. Trên cơ sở đó, doanh thu thuần của MSB trong phân khúc khách hàng này năm 2018 đạt 158%, lợi nhuận sau dự phòng đạt 208% so với năm 2017.

Ở phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn, MSB đạt sự tăng trưởng tốt với doanh thu thuần tăng 57% so với năm 2017. Lợi nhuận sau dự phòng tăng 201% so với năm 2017.

Hướng đến mục tiêu cao hơn trong giai đoạn mới 2019-2023

Năm 2019 là năm được kỳ vọng phát triển vượt bậc để mang đến sự bứt phá của MSB trong giai đoạn 2019 - 2023, ngay từ đầu năm, Ngân hàng đã có sự thay đổi về chiến lược và cơ cấu tổ chức, cũng như nhận diện thương hiệu mới. Đây chính là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Doanh nghiệp tiếp tục phát triển mạnh mẽ và hoàn thành các kế hoạch đầy thách thức.



Để làm được điều đó, Ngân hàng Doanh nghiệp sẽ tập trung vào các hành động chiến lược sau:

- Triển khai thành công mô hình tổ chức mới lấy khách hàng làm trọng tâm nhằm hiện thực hóa định hướng chiến lược và sứ mệnh của Ngân hàng doanh nghiệp.
- Gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh bằng việc quản trị và tối ưu quy trình bán hàng để tăng hiệu quả khai thác và quản trị danh mục khách hàng.
- Nâng cao hơn nữa chất lượng nguồn nhân lực: đây tiếp tục là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của ngân hàng năm 2019 để nâng cao trình độ nguồn nhân lực, đáp ứng tốt các tiêu chuẩn ngày càng cao của ngân hàng cũng như khách hàng và thị trường.
- Xác lập đối tượng khách hàng mục tiêu cụ thể theo từng phân khúc, từ đó xây dựng & phát triển các gói giải pháp tài chính hữu ích giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận vốn từ đó gia tăng cơ hội phát triển kinh doanh để vươn tầm giá trị doanh nghiệp.
- Gia tăng chất lượng dịch vụ qua việc đơn giản hóa quy trình, thủ tục, cải thiện thời gian xử lý giao dịch, nâng cao năng lực và hiệu suất của CBNV, đặc biệt là đội ngũ bán hàng nhằm mang đến cho khách hàng một “trải nghiệm ngân hàng khó cưỡng”.
- Tổ chức mạng lưới trung tâm khách hàng doanh nghiệp phù hợp tại các vùng địa lý tiềm năng nhằm thu hút thêm nhiều hơn khách hàng mới, nâng cao chất lượng trải nghiệm sản phẩm dịch vụ trên kênh giao dịch trực tuyến từ đó gia tăng giá trị thuận ích cho khách hàng khi giao dịch với MSB.

Năm 2019 cũng là năm bản lề để củng cố, xây dựng nền tảng nhằm thực hiện tốt các chiến lược đã đề ra trong 5 năm 2019 - 2023 với các mục tiêu: tăng trưởng trung bình đạt 30%/năm, chiếm 7,6% thị phần phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ và 20% thị phần phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn, góp phần đưa MSB giữ vững vị trí top 10 các ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam.





DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG DÀNH CHO
KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH



Năm 2018, Ngân hàng Định chế tài chính tiếp tục khẳng định được vị trí là một đơn vị kinh doanh chủ chốt, đóng góp mức lợi nhuận lớn nhất cho MSB. Các mảng hoạt động và kinh doanh cốt lõi của đơn vị đều tăng trưởng tốt trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt.

Về hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Lần đầu tiên MSB vươn lên gia nhập Top 15 các ngân hàng tại Việt Nam về giao dịch mua bán ngoại tệ với khách hàng doanh nghiệp và cá nhân, với tổng doanh số quy đổi đạt gần 5 tỷ đô la Mỹ, tăng 64% so với năm trước đó. Bên cạnh đó, MSB cũng tích cực triển khai các sản phẩm phái sinh về ngoại tệ như: hoán đổi tiền tệ, hoán đổi lãi suất, quyền chọn giúp khách hàng chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá.

Trên thị trường liên ngân hàng, MSB là một đối tác quan trọng trong việc tạo lập thị trường, cung cấp thanh khoản giúp ổn định thị trường ngoại hối theo định hướng chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước.

Trong năm 2018, Ngân hàng Định chế tài chính cũng tiến hành cơ cấu lại chức năng nhiệm vụ các bộ phận để tăng cường việc phục vụ khách hàng nâng cao chất lượng. Theo đó, bộ phận bán hàng được cơ cấu lại với 2 chức năng: Phát triển trực tiếp khách hàng mới, trực tiếp tư vấn và giao dịch khách hàng; và Phát triển sản phẩm và thúc đẩy bán với nhiệm vụ triển khai sản phẩm mới, các chương trình thúc đẩy trong hệ thống, cải tiến quy trình theo hướng đơn giản, hiệu quả.

Năm 2019, với định hướng khách hàng trọng tâm là SME và RB, Ngân hàng Định chế tài chính sẽ tập trung cung cấp các sản phẩm ngoại hối đa dạng, giá cả cạnh tranh và phòng ngừa rủi ro cho khách hàng, từ đó phối hợp với các ngân hàng chuyên doanh khác như Ngân hàng Doanh nghiệp và Ngân hàng Bán lẻ tạo ra gói giải pháp tài chính tổng thể cho khách hàng.

Cùng với sự cải tiến quy trình và nâng cấp hệ thống giao dịch theo hướng đơn giản hóa và tự động hóa, mô hình phục vụ khách hàng dựa trên sự phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ quản lý khách hàng và cán bộ bán sản phẩm sẽ giúp khách hàng có những trải nghiệm tốt nhất về sản phẩm dịch vụ của MSB.

Về hoạt động kinh doanh tiền tệ và quản lý thanh khoản

Song song với nhiệm vụ quản lý tốt thanh khoản và đảm bảo bảng cân đối hiệu quả, trong năm 2018, Phòng Nguồn vốn thuộc Ngân hàng Định chế tài chính đã tối ưu hoá nguồn vốn dư thừa, thúc đẩy hoạt động kinh doanh tiền tệ, góp phần quan trọng trong việc đạt được kết quả lợi nhuận ấn tượng của toàn hệ thống MSB.

Năm 2019, MSB sẽ tiếp tục tập trung nâng cao năng lực, tối ưu và tự động hóa các quy trình trọng yếu; củng cố hoạt động kinh doanh nguồn vốn và giao dịch với các đối tác đa dạng nhằm mở rộng quy mô và cải thiện xếp hạng trên thị trường liên ngân hàng.

Về hoạt động kinh doanh Trái phiếu chính phủ (TPCP)

Năm 2018, MSB tiếp tục phát huy vị thế là một trong những ngân hàng năng động và tích cực nhất trên thị trường TPCP với tổng doanh số giao dịch TPCP năm 2018 đạt hơn 385 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 9% so với năm 2017.

Những thành công và đóng góp của MSB trong năm 2018 đã tiếp tục được ghi nhận bởi các giải thưởng, danh hiệu danh giá trao bởi các cơ quan quản lý:

- Giải thưởng Nhà tạo lập thị trường chào giá đẹp nhất 2018 do Hiệp hội thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA) trao tặng.
- Giải thưởng Nhà tạo lập thị trường giao dịch nhiều thứ nhì do VBMA trao tặng.
- Top 2 về doanh số giao dịch mua bán hần Trái phiếu do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) xếp hạng.
- Top 5 thành viên giao dịch trái phiếu 2018 do HNX xếp hạng.
- Top 6 thành viên giao dịch sơ cấp 2018 do Bộ Tài chính xếp hạng.
- Được Bộ Tài chính chọn lựa là một trong 15 thành viên đấu thầu trên thị trường sơ cấp năm 2019.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh TPCP, MSB luôn chủ động và tiên phong trong việc tìm kiếm những cơ hội mới ở những thị trường tiềm năng. Hoạt động phát hành và đầu tư Giấy tờ có giá (GTCG) của các tổ chức tín dụng (TCTD) đã được đẩy mạnh trong năm 2018, mang lại nguồn lợi nhuận không nhỏ. MSB cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép cho sản phẩm Bond Future - sản phẩm phái sinh trái phiếu sắp tới sẽ triển khai trên thị trường trái phiếu Việt Nam.

Không chỉ nỗ lực tối đa hóa lợi nhuận đầu tư trên thị trường tài chính, MSB đã và đang cố gắng mang lại cho các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp những trải nghiệm mới thông qua các sản phẩm phái sinh liên kết với Trái phiếu.

Năm 2019, MSB triển khai sản phẩm Chứng chỉ tiền gửi liên kết lợi suất TPCP Lộc Bảo Phát giúp khách hàng tận dụng cơ hội trên thị trường TPCP để gia tăng lãi suất sinh lời từ tiền gửi tiết kiệm.

Ngoài ra, Ngân hàng đang nghiên cứu để triển khai một loạt các sản phẩm phái sinh GTCG mới giúp khách hàng đa dạng cơ hội đầu tư và trải nghiệm trên thị trường tài chính.

Về hoạt động củng cố, mở rộng cơ sở khách hàng Định chế tài chính

Với mạng lưới hơn 600 ngân hàng đại lý tại hơn 60 quốc gia trên thế giới, MSB đang phục vụ mọi nhu cầu của khách hàng trong các hoạt động thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại, bảo lãnh, mua bán ngoại tệ và các sản phẩm phái sinh...một cách nhanh chóng, an toàn và hiệu quả.

Trong năm 2018, MSB tiếp tục củng cố cơ sở khách hàng sẵn có cũng như tích cực mở rộng quan hệ với nhiều đối tác trong và ngoài nước. MSB ký kết thêm nhiều hợp đồng hợp tác trong nhiều lĩnh vực như

hợp đồng thanh toán biên mậu, tài trợ thương mại, bao thanh toán, dịch vụ ngoại tệ mặt, giao dịch các sản phẩm phái sinh.... Với các định chế tài chính phi tổ chức tín dụng bao gồm các công ty bảo hiểm, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, MSB tiếp tục triển khai mô hình phục vụ tập trung tại Hội sở.

Việc tập trung hóa giúp cho MSB đã và đang đáp ứng tất cả các nhu cầu của khách hàng, gia tăng và mở rộng đáng kể thị phần ngân hàng.

Ngoài các sản phẩm dịch vụ thông thường về quản lý dòng tiền, dịch vụ tài khoản, dịch vụ bảo lãnh..., với thế mạnh về các sản phẩm Treasury, MSB tập trung mang đến cho khách hàng những sản phẩm tín dụng cũng như huy động tiền gửi hấp dẫn và linh hoạt nhất. MSB tiếp tục được lựa chọn làm ngân hàng phục vụ cho nhiều dự án sử dụng vốn vay ODA, góp phần giúp ngân hàng gia tăng nguồn thu phí và tăng huy động vốn chi phí thấp. Với 5 dự án mới triển khai trong năm 2018, hiện nay MSB là một trong số rất ít các ngân hàng thương mại được phục vụ đầy đủ các chương trình thu ngân sách nhà nước và các dự án ODA do Ngân hàng Thế giới (World Bank), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan Hợp tác phát triển Nhật Bản (JICA)... tài trợ với tổng số tiền lên đến gần 3 tỷ đô la Mỹ.

Các dự án được triển khai trong nhiều lĩnh vực như: giáo dục, y tế, giao thông vận tải, bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng, và trải dài trên nhiều địa bàn trên cả nước đã góp phần nâng cao uy tín của MSB cũng như hỗ trợ Ngân hàng mở rộng cơ sở khách hàng trên toàn quốc.

Năm 2018 đánh dấu bước tiến mới của MSB trong nỗ lực mở rộng phục vụ đối tượng khách hàng là các tổ chức tài chính công trong nhiều lĩnh vực. Trong lĩnh vực y tế, MSB bắt đầu tham gia cung cấp giải pháp thanh toán viện phí cho các bệnh viện. Thành công này hứa hẹn sẽ góp phần mở rộng thêm nữa hệ sinh thái khách hàng, gia tăng nguồn thu cho Ngân hàng.





ĐẨY MẠNH ĐẦU TƯ HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ NHẪM HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA MSB

Công nghệ là lĩnh vực trọng yếu trong việc thực hiện chiến lược của MSB nhằm xây dựng một ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả và mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, đối tác.

Với định hướng chiến lược mới cùng những mục tiêu đầy tham vọng trong giai đoạn 2019 - 2023, năm 2018, MSB đã và đang không ngừng đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ hiện đại, cải tiến sản phẩm và chất lượng dịch vụ, phát triển đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp với các giá trị cốt lõi mới, tạo nền tảng quan trọng để có những đột phá mạnh mẽ hơn nữa trong năm 2019, qua đó mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.

Triển khai các dự án số hóa, bắt kịp công nghệ 4.0, tự động hóa và nâng cao hiệu suất hoạt động kinh doanh, rút ngắn thời gian phục vụ khách hàng

Năm 2018, MSB triển khai thành công hệ thống Sales Management, giúp số hoá việc quản trị bán hàng từ đó nâng cao hiệu suất kinh doanh của nhân viên lên tối thiểu 100% thông qua việc hỗ trợ nhân viên bán sản phẩm, dịch vụ và theo dõi đơn hàng, tra cứu thông tin khách hàng ngay trên điện thoại; tự động hoá việc tính toán KPIs kinh doanh và lương thưởng cho từng cán bộ bán hàng.

Với mục tiêu số hoá quy trình cho vay khách hàng, MSB đã triển khai dự án khởi tạo khoản vay LOS trong năm qua, giúp cải thiện TAT đáng kể cho sản phẩm vay từ khi khởi tạo tới lúc giải ngân chỉ trong 48 giờ cho khoản thế chấp và 24 giờ cho khoản vay tín chấp.

Trong năm qua, Ngân hàng đã thực hiện hệ thống báo cáo phân tích Vision giúp hỗ trợ cải thiện hiệu quả và tính chính xác của công tác làm báo cáo tài chính và MIS. Hệ thống này giúp các báo cáo phân tích kinh doanh hàng tháng được sớm hơn, hỗ trợ hiệu quả cho Ban điều hành trong việc nhanh chóng nắm bắt được tình hình hoạt động của ngân hàng từ đó xác lập những kế hoạch điều chỉnh giúp gia tăng kết quả cuối cùng.

Ngân hàng cũng triển khai dự án E - invoice để số hoá quy trình phát hành hóa đơn viết tay sang hóa đơn số, giúp tiết kiệm khoảng 1 tỷ mỗi tháng, tương đương với giảm 50% chi phí hóa đơn.

Bên cạnh đó, dự án HRIS mà MSB đã triển khai trong năm qua giúp tự động hoá 59 quy trình nhân sự thủ công, tự động hóa quy trình chấm KPI và quản lý chế độ nghỉ phép, giúp giảm 40% các yêu cầu hỗ trợ nhân sự thủ công.

Triển khai các dự công nghệ hiện đại, thấu hiểu và đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng

Năm 2018, MSB tập trung triển khai hệ thống Business Intelligent, hệ thống báo cáo quản trị thông minh sử dụng chung cho các đơn vị trên cơ sở tập trung và làm giàu dữ liệu, chủ động lập báo cáo theo nhu cầu quản trị.

MSB cũng đang trong lộ trình xây dựng ngân hàng số Digital Banking với mục đích cung cấp nhiều loại hình dịch vụ tiện ích mới, tạo ra những giá trị và trải nghiệm mới cho người sử dụng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu khách hàng.

Cũng trong năm qua, MSB đã triển khai thành công mô hình tối ưu hóa hoạt động tại quầy giúp tổng hợp và đồng nhất các ứng dụng, đơn giản hóa các khâu tác nghiệp, qua đó phục vụ khách hàng nhanh hơn, tối ưu hiệu suất công việc của mỗi CBNV.

Hệ thống E-Banking cũng được MSB tiến hành nâng cấp, áp dụng công nghệ sinh trắc học trong xác thực tài khoản khách hàng nhằm gia tăng sự ổn định và hiệu suất hoạt động của hệ thống, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, mang đến cho khách hàng các trải nghiệm tốt nhất.

Song song đó, hệ thống Customer Centricity cũng được triển khai trong năm 2018 cho phép Ngân hàng nhanh chóng nắm bắt nhu cầu của khách hàng để có thể tư vấn, cung cấp kịp thời các giải pháp nhằm tối ưu lợi ích về mặt tài chính và rút ngắn thời gian chờ của khách hàng.

Tiếp tục triển khai các dự án nâng cao hiệu quả hoạt động trong năm 2019, từ đó mang đến các trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng

Năm 2019, MSB sẽ thúc đẩy xây dựng các dự án điển hình như Go Banker, dự án cho phép mở rộng và phát triển dịch vụ theo hai chiều tại quầy, có thể mang dịch vụ Ngân hàng đến tận tay khách hàng. Dự án Big Data là giải pháp phân tích tập dữ liệu lớn dựa trên dữ liệu trong và dữ liệu ngoài Ngân hàng; kết hợp với hệ thống Business Intelligent để đưa ra các dự đoán về xu hướng và cơ hội của thị trường một cách nhanh chóng và chính xác. Qua đó, Ngân hàng có thể hỗ trợ kịp thời nhu cầu khách hàng hoặc ra sản phẩm, dịch vụ mới đáp ứng tốt những nhu cầu khác biệt trong từng phân khúc khách hàng. Mở rộng dự án Biometric authentication, áp dụng công nghệ sinh trắc học trong xác thực giao dịch, giúp nâng cao tính năng bảo mật cho tài khoản cũng như trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng.

Dự án số hóa hoạt động tại quầy giúp tự động hóa các quy trình thủ công như nhập dữ liệu để nhân viên có thể tập trung vào các nhiệm vụ trung tâm hơn giúp giảm thiểu chi phí vận hành và hoạt động.

Các dự án này sẽ góp phần quan trọng trong việc xây dựng nên một MSB vững vàng, mạnh mẽ đồng thời tạo ra những tiện ích và giá trị gia tăng khác biệt cho các gói sản phẩm, dịch vụ mà Ngân hàng đang cung cấp, qua đó từng bước thực hiện mục tiêu mang đến trải nghiệm ngày càng tốt hơn cho khách hàng.



“CÔNG NGHỆ HÓA” HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ
ĐỂ GIA TĂNG HIỆU QUẢ, **NÂNG CAO**
TRẢI NGHIỆM CỦA NHÂN VIÊN



Nhân lực luôn là nền tảng cơ bản và đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển của Ngân hàng. Để chuẩn bị cho sự bứt phá trong giai đoạn 2019 - 2023, năm 2018, MSB nói chung và bộ phận nhân sự nói riêng đã triển khai nhiều dự án, chính sách, nâng cao năng lực đào tạo nội bộ, văn hóa doanh nghiệp,... để tạo nên hệ thống quản trị vững chắc cho sự phát triển của Ngân hàng.

Xây dựng hệ thống các chính sách, lương thưởng, đãi ngộ hợp lý dành cho CBNV

MSB luôn nỗ lực xây dựng và cập nhật Hệ thống Chính sách đãi ngộ nhằm đem lại sự công bằng trong việc chi trả lương và chế độ phúc lợi, từ đó tăng sự hài lòng và hiệu quả công việc của CBNV. Lương và thu nhập luôn được xác định trên cơ sở định giá giá trị công việc và mặt bằng lương thị trường theo báo cáo khảo sát thường niên của hơn 11 ngân hàng trong nước và 20 ngân hàng nước ngoài, nhằm đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường lao động.

Năm 2018 cũng ghi nhận mức tăng đột phá trong chính sách chi thưởng của MSB với khoản thưởng bổ sung theo kết quả kinh doanh của toàn hệ thống bên cạnh chế độ thưởng theo hiệu suất công việc hàng năm của mỗi cá nhân.

Bên cạnh đó, quỹ team-building cho các đơn vị cũng được bổ sung để tạo sự gắn kết cho CBNV trong toàn hàng.

Sổ tay E-MBenefit Plus (E-MBP) ra đời cũng nhằm mục đích giúp các CBNV chủ động theo dõi và sử dụng tất cả các chương trình phúc lợi hiện có một cách hiệu quả.

MSB cũng cải tiến quy định về chế độ hỗ trợ chi phí điện thoại, chi phí phương tiện đi lại theo tính chất đặc thù công việc nhằm mang đến các phúc lợi cho cán bộ nhân viên. Trong năm 2018, MSB đã tập trung xây dựng hệ thống đãi lương cho các đơn vị trực thuộc Ngân hàng dựa trên các nguyên tắc: Công bằng, bảo mật, minh bạch, nhất quán và tuân thủ.

Rà soát và hoàn thiện các chính sách đãi ngộ, phát triển nhân tài

Chương trình Talent Pool và Quản trị viên là những chương trình phát triển nhân tài được MSB thực hiện trong nhiều năm nhằm xây dựng, đào tạo và phát triển đội ngũ kế cận cho Ngân hàng trong tương lai.

Hàng năm, Ngân hàng sẽ triển khai xem xét về mặt chính sách để đảm bảo phù hợp với từng thời kỳ như: Xét duyệt lương của các

quản trị viên qua cuối mỗi kỳ luân chuyển; hoàn thiện chế độ đãi ngộ và phát triển nhân tài (Talent Pool) bao gồm: Quyền chọn, vay ưu đãi, tăng số ngày nghỉ phép năm, lương cạnh tranh, thưởng gắn bó và đặc biệt là chính sách đào tạo, phát triển vượt trội. Công tác tuyển dụng và đào tạo của Ngân hàng luôn đạt được tính hiệu quả nhờ việc nâng cao giá trị thương hiệu tuyển dụng và chất lượng đào tạo. Trong năm 2018, MSB đã tuyển dụng được hơn 3.000 CBNV mới và thực hiện 318 khóa học cho hơn 64 nghìn lượt CBNV tham gia, đáp ứng nhu cầu và chất lượng nhân sự phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Kiện toàn các chính sách để đảm bảo việc vận hành công tác nhân sự luôn luôn hiệu quả, phù hợp

Bên cạnh các dự án nhân sự nổi bật, MSB không ngừng cải tiến hệ thống văn bản, chính sách nhân sự để phù hợp với những thay đổi của tổ chức cũng như sự phát triển của thị trường. Năm 2018, nhiều chính sách, chế độ phúc lợi hỗ trợ được MSB sửa đổi, điều chỉnh như: Chương trình bảo hiểm MSB-Care, Chương trình Người bạn đồng hành, các chương trình văn hóa doanh nghiệp... Cùng với đó, khung năng lực và lộ trình nghề nghiệp cũng đã được Ngân hàng triển khai, làm căn cứ đánh giá năng lực CBNV, xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp và trao cơ hội phát triển cho tất cả các CBNV.

Dự án Xây dựng Hệ thống Quản lý Thông tin Nhân sự (HRIS)

Được chuẩn bị kỹ lưỡng từ năm 2017, Dự án Xây dựng Hệ thống Quản lý Thông tin Nhân sự (HRIS) được ghi nhận là một trong những dự án nổi bật và tiêu biểu nhất trong lĩnh vực nhân sự của MSB trong năm 2018. Chính thức được triển khai từ tháng 5 năm 2018, chỉ trong vòng 6 tháng, Hệ thống Quản lý Thông tin Nhân sự với những tiện năng hữu ích cho người dùng đã được giới thiệu đến các đơn vị của Ngân hàng và nhận được rất nhiều phản hồi tích cực. HRIS được kỳ vọng là một bước đột phá trong công tác quản lý nhân sự, giúp giải phóng đáng kể sức lao động, góp phần cải thiện tăng năng suất làm việc.



Năm qua, MSB cũng tối ưu hóa và tự động hóa các quy trình nghiệp vụ nhân sự bao gồm: Tuyển dụng, tiếp nhận, quản trị (điều động, điều chuyển, khen thưởng, kỷ luật ...), KPIs và đánh giá, chấm công, tiền lương... Với tính năng tự phục vụ, các cấp quản lý và CBNV toàn hệ thống có thể tự quản lý thông tin, thực hiện các đề xuất của chính mình thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào các cán bộ nhân sự.

MSB sẽ tiếp tục hoàn thiện HRIS bằng việc triển khai và đưa vào hệ thống Quản lý lộ trình thăng tiến nghề nghiệp và Đào tạo phát triển, đáp ứng việc thực hiện tất cả các nhu cầu quản lý và phát triển nhân sự của CBNV toàn hàng.

Chứng chỉ Bình Đẳng Giới EDGE

Năm 2018, MSB đã vinh dự được trao chứng chỉ toàn cầu về bình đẳng giới EDGE, trở thành một trong 03 đơn vị đầu tiên tại Việt Nam đạt chuẩn quốc tế về môi trường làm việc bình đẳng, công

bằng về giới tính. Đây là sự ghi nhận cho những nỗ lực của MSB trong việc xây dựng môi trường làm việc bình đẳng, hiệu quả, nơi mà CBNV không phân biệt về giới tính, độ tuổi, vùng miền, tôn giáo hay dân tộc đều được trao cơ hội để thể hiện năng lực của bản thân, phát huy được những điểm mạnh của mình và phát triển công bằng.

Bước vào năm 2019, MSB sẽ tiếp tục nâng cao nghiệp vụ, công tác nhân sự, kiện toàn hệ thống, thu hút và đào tạo nhân tài. Ngân hàng sẽ tập trung chuẩn hóa công tác giao KPIs trên hệ thống HRIS đồng thời hoàn thiện bộ từ điển KPIs; xây dựng bộ giá trị cốt lõi và chuẩn mực ứng xử, các dự án văn hóa doanh nghiệp; triển khai kế hoạch đào tạo lãnh đạo cấp trung và tuyển chọn các khóa Quản trị viên,... Tất cả các yếu tố đó sẽ giúp MSB bứt phá, đạt được các mục tiêu theo chiến lược mà Ngân hàng đã đề ra trong giai đoạn mới 2019 - 2023.





QUẢN LÝ RỦI RO ĐỂ ĐẢM BẢO
**HOẠT ĐỘNG AN TOÀN VÀ
PHÁT TRIỂN KINH DOANH BỀN VỮNG**



Năm 2018, MSB tiếp tục tăng cường năng lực quản lý rủi ro để trở thành một trong những ngân hàng đáng tin cậy nhất ở Việt Nam. Trong năm, ngân hàng đã đẩy mạnh hoàn thiện mô hình quản trị và hệ thống khung chính sách quản lý rủi ro, các mô hình đo lường rủi ro theo chuẩn mực Basel 2 và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Năm 2018 là năm bản lề, chuẩn bị thể và lực cho việc triển khai kế hoạch chiến lược 5 năm của Ngân hàng. Trong năm, MSB đã triển khai rà soát và tối ưu hệ thống cấu trúc văn bản Quản lý rủi ro (QLRR); hoàn thiện Khẩu vị rủi ro; xác định Chiến lược rủi ro nhằm định hướng các quy định, quy trình về QLRR trong các hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng. MSB tiếp tục xây dựng và thực thi mô hình tối ưu hóa rủi ro nhằm định hướng, thúc đẩy hoạt động kinh doanh phát triển và hạn chế tối đa rủi ro xảy ra; xây dựng Mô hình tín dụng và giá tốt nhất thị trường, tận dụng đầy đủ lợi thế của dữ liệu khách hàng có sẵn thông qua hệ sinh thái; Nâng cao nhận thức về QLRR trong toàn bộ CBNV của MSB thông qua việc xây dựng và duy trì văn hóa rủi ro.

Trong năm, MSB đã thành lập và phát huy tốt vai trò của Ủy ban QLRR, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Rủi ro, Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng ALCO. Cùng với sự thay đổi cấu trúc quản trị toàn hàng (như: tập trung các đơn vị QLRR tín dụng tại các NHCD về Khối QLRR và tối ưu hóa cơ cấu tổ chức các đơn vị QLRR khác), MSB đã thành lập bộ phận Quản trị Bảng cân đối nhằm quản lý vốn và tỷ lệ an toàn vốn một cách hiệu quả. Bộ phận QLRR lõi suất số ngân hàng cũng được thành lập với chức năng: (1) Xây dựng chính sách, (2) Báo cáo và giám sát QLRR lõi suất số ngân hàng, chuẩn bị trước cho việc tuân thủ Thông tư 13 của NHNN.

Năm 2018 cũng là năm bản lề cho việc triển khai quản trị rủi ro theo các tiêu chuẩn nghiêm ngặt của Basel 2. MSB nhận thức rằng triển khai thành công Basel 2 không chỉ là tiền đề giúp Ngân hàng phát triển bền vững mà còn tạo sự vững tin cho toàn bộ cán bộ nhân viên, khách hàng và đối tác. Qua đó, Ngân hàng đã triển khai thí điểm thành công các quy định của NHNN về tính toán tỷ lệ an toàn vốn (Thông tư 41) trên phạm vi toàn hệ thống. MSB đã trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt việc tuân thủ Thông tư trước hạn.

QLRR chủ động, đồng hành, định hướng và dẫn dắt

Với trụ cột định vị giá trị khách hàng khác biệt, định hướng “QLRR chủ động tới gần khách hàng hơn, am hiểu kinh doanh hơn”, MSB nâng cao vai trò, tính chủ động của bộ phận quản lý rủi ro tín dụng theo từng Ngân hàng chuyên doanh nhằm đồng hành, định hướng

kinh doanh trên cơ sở hiểu rõ chân dung, hành vi của từng nhóm khách hàng giúp MSB ngày càng QLRR hiệu quả hơn, nhận diện sớm các rủi ro và có các quyết định phù hợp hơn.

Trong năm, các mô hình xếp hạng tín dụng và mô hình lượng hóa xác suất vỡ nợ (PD) của khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ (SSE) đã được nâng cấp và hoàn thiện, giúp nhận diện và sàng lọc khách hàng tiềm ẩn rủi ro, giảm thiểu chi phí rủi ro và tăng lợi nhuận cho ngân hàng. Cùng với việc tận dụng lợi thế của dữ liệu bên ngoài, các mô hình sẽ giúp tiếp cận khách hàng một cách chủ động, gia tăng số lượng khách hàng và hỗ trợ bán chéo sản phẩm.

Nhằm hỗ trợ các đơn vị kinh doanh nhận thức và cân đối giữa lợi nhuận và rủi ro, hoạt động an toàn, chủ động, nhanh chóng và hiệu quả, trong năm 2018, Khối QLRR đã tổ chức các buổi đào tạo về (1) Quản trị rủi ro theo chuẩn mực Basel 2 (Thông tư 41 và Thông tư 13), (2) Đánh giá tác động của hoạt động kinh doanh trái phiếu TCTD và kinh doanh ngoại tệ đến các chỉ số và hạn mức thanh khoản, (3) Nâng cao nhận thức rủi ro hoạt động, (4) Phòng chống gian lận và nhận biết giấy tờ giả mạo, (5) Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, (6) Quản lý an toàn thông tin, (7) Đào tạo QLRR cho các GD Chi nhánh.

Với định hướng xây dựng nền tảng Số hóa, tinh gọn từ A - Z và phân tích nâng cao, MSB đã có những bước chuyển mình rõ rệt thông qua việc triển khai hàng loạt các dự án như: Xây dựng Mô hình dữ liệu toàn hàng (BDM), triển khai thí điểm Hệ thống Khởi tạo khoản vay (LOS); nâng cấp Hệ thống lưu trữ, tra cứu tự động thông tin lịch sử tín dụng của khách hàng (CIC Data Store); nâng cấp Hệ thống xếp hạng tín dụng tập trung toàn hàng (CSS) theo sự trưởng thành của các mô hình xếp hạng; nâng cấp Hệ thống Basel 2; đẩy mạnh ứng dụng hệ thống Kondor+; tập trung hóa dữ liệu phục vụ phân tích và báo cáo rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường. Việc số hóa sẽ đảm bảo tính thống nhất của số liệu, giảm thiểu thời gian xử lý và báo cáo, hỗ trợ phân tích nâng cao, giúp các cấp quản lý và đơn vị kinh doanh tiếp nhận thông tin kịp thời và rút ngắn thời gian ra quyết định.

Năm 2018, lấy định hướng xây dựng Môi trường làm việc sáng tạo, chuyên nghiệp, coi trọng nhân tài làm nền tảng, MSB tiếp tục duy trì ngân sách cho chương trình đào tạo chứng chỉ Quản lý rủi ro tài chính (Financial risk management – FRM). Đào tạo kỹ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ (Excel, Powerpoint) và kỹ năng phân tích nâng cao (Machine Learning) cho CBNV cũng được duy trì hàng tháng.

2019 - Tạo đà mạnh mẽ để tiến tới thành công

Là một trong ba nền tảng trong định hướng chiến lược phát triển kinh doanh của MSB, giai đoạn 2019-2023, QLRR đặt ra mục tiêu xây dựng mô hình tín dụng và giá tốt nhất thị trường, tận dụng đầy đủ lợi thế của dữ liệu khách hàng có sẵn thông qua hệ sinh thái. Cụ thể:

- Các sản phẩm, chương trình tín dụng của MSB hướng tới nguyên tắc tính giá dựa trên mức độ rủi ro tín dụng (PD/EL) của khách hàng. MSB xem EL là một khoản bảo hiểm tín dụng và để đánh giá hiệu quả kinh doanh.
- Tối ưu hóa mô hình cấp tín dụng đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân:
 - + Vận dụng linh hoạt, phù hợp với thực trạng của MSB các quy trình phê duyệt trước để cải thiện trải nghiệm của khách hàng, tăng năng suất nhưng vẫn kiểm soát được rủi ro.
 - + Ưu tiên áp dụng trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) vào hoạt động phân tích, đánh giá, sàng lọc khách hàng khi có thể, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Ứng dụng tối đa các công cụ, mô hình trong việc nhận dạng, đo lường, kiểm soát rủi ro tín dụng.

Trong năm 2019, MSB sẽ:

- Xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng cho khách hàng cá nhân dựa trên hành vi giao dịch của khách hàng, làm cơ sở cho việc điều chỉnh tự động hạn mức, tái cấp, điều chỉnh lãi suất, bán chéo sản phẩm...; Xây dựng các mô hình cảnh báo sớm nhằm hỗ trợ công tác thu hồi nợ và giảm thiểu trích lập dự phòng; Sàng lọc danh mục khách hàng tiềm năng trên cơ sở hành vi giao dịch của khách hàng và dữ liệu bên ngoài.
- Tăng cường tập trung quản lý và kiểm soát rủi ro liên quan đến tài sản thế chấp của ngân hàng.
- Tiếp tục triển khai các yêu cầu của Thông tư 13 (ICAAP & Stress test), tiến tới tuân thủ toàn diện thông lệ quản trị rủi ro Basel 2.







**VÌ MỘT CỘNG ĐỒNG
PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH VÀ BỀN VỮNG**





Tại MSB, chúng tôi tin rằng doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững trong một cộng đồng ổn định và thịnh vượng. Vì vậy, song song với mục tiêu kinh doanh, chúng tôi luôn đề cao thực hiện trách nhiệm xã hội với mong muốn mang lại những tác động tích cực cho cộng đồng.

Năm 2018, MSB đã ủng hộ, đầu tư kinh phí và triển khai các chương trình an sinh xã hội tại các địa phương trên toàn quốc, tập trung vào 3 lĩnh vực chính là y tế, giáo dục và phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

Về giáo dục: Trao học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Trung Thu và Tết thiếu nhi tại các tỉnh thành trên cả nước nhằm động viên tinh thần học tập, xây dựng cơ sở vật chất khang trang, góp phần ươm mầm cho những măng non của đất nước.

Về y tế: Tài trợ hơn 4 tỷ đồng cho Bệnh viện Mắt Trung ương để mua xe mô tô lưu động nhằm góp phần chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.

Về phát triển nông thôn: Tài trợ 2 tỷ đồng giúp sửa chữa trực đường chính nối liền các xã tại huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam để giúp giao thông thuận tiện và giúp người nông dân có cuộc sống tốt hơn.

Tất cả các chương trình này đều có hiệu ứng lan tỏa lớn, phần nào giúp đỡ cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng và để lại nhiều dấu ấn tích cực với công chúng, đối tác, cổ đông, khách hàng.

Không những vậy, MSB còn có một đội ngũ CBNV luôn sẵn sàng chia sẻ với đồng nghiệp. Mỗi hoàn cảnh khó khăn đều nhận được sự quan tâm, giúp đỡ, ủng hộ của Ban lãnh đạo và CBNV trên toàn hệ thống. Truyền thống đó đã tạo nên nét văn hóa kết nối - thấu hiểu của MSB.

Trong tương lai, MSB sẽ tiếp tục song hành cùng cộng đồng, đẩy mạnh thực hiện các hoạt động hơn nữa để góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam, đồng thời xây dựng một ngân hàng uy tín, thấu hiểu, mang lại cuộc sống thuận ích nhất cho khách hàng.



GIẢI THƯỞNG VÀ DANH HIỆU

Một số giải tiêu biểu nước ngoài



Ngân hàng tốt nhất Việt Nam

do tạp chí uy tín Global Finance trao tặng năm 2017 và 2019



Ngân hàng Thương mại tốt nhất Việt Nam 2016

Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2017

Thẻ tín dụng có ưu đãi tốt nhất Việt Nam 2018

do tạp chí International Finance trao tặng



**Ngân hàng có sáng kiến và đóng góp nổi bật
cho doanh nghiệp vừa và nhỏ**

trao tặng trong 2 năm liên tiếp 2017 - 2018



Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam

trong 3 năm liên tiếp 2015 - 2017

Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2018

do tạp chí Asian Banking & Finance trao tặng



Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2015

do tạp chí World Finance trao tặng



Thẻ đồng thương hiệu tốt nhất Việt Nam 2017
do Mastercard trao tặng

Leadership in Travel Cash back credit 2017
Ngân hàng có sản phẩm Thẻ tín dụng du lịch
hoàn tiền tốt nhất Việt Nam năm 2017
do Visa trao tặng



Một số giải tiêu biểu trong nước



Ngân hàng vì cộng đồng 2015
Ngân hàng đồng hành hiệu quả
cùng Doanh nghiệp vừa và nhỏ 2017 - 2018
do Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDG) và Hiệp hội NHNN Việt Nam trao tặng

Top 10 Ngân hàng Thương mại Việt Nam uy tín năm 2017
do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VNR) đánh giá



Nhà tạo lập thị trường chào giá tốt nhất năm 2015 và 2018
Nhà tạo lập thị trường có khối lượng giao dịch
nhiều nhất năm 2016 - 2017
do Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA) trao tặng

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ MSB

Với mục tiêu xây dựng định hướng Chiến lược MSB giai đoạn 2019 - 2023, Công ty tư vấn hàng đầu thế giới - McKinsey đã hỗ trợ đánh giá lại toàn bộ hoạt động của Ngân hàng và từ đó đưa ra đề xuất định hướng chiến lược mới cho MSB trong 5 năm tới. Theo đó, MSB xác định rõ sứ mệnh của mình - “Vì một cuộc sống thuận ích hơn” - luôn nỗ lực làm tốt trong mọi việc mình làm với khách hàng, cán bộ nhân viên, cổ đông và cộng đồng. MSB cũng đặt ra tầm nhìn “Trở thành ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ”.

Cụ thể trong giai đoạn 5 năm tới (2019 - 2023), MSB định hướng trở thành “Ngân hàng đáng tin cậy, thấu hiểu khách hàng nhất và đạt lợi nhuận cao tại Việt Nam”.

Để thực hiện được sứ mệnh - tầm nhìn trên, MSB xác định chiến lược thực thi gồm 4 trụ cột (định vị khách hàng, mạng lưới đa kênh, lực lượng bán hàng, quan hệ đối tác) và 3 nền tảng cốt lõi (số hoá và phân tích nâng cao; quản lý rủi ro; tổ chức, con người và văn hoá), trong đó yếu tố tổ chức, con người và văn hóa là điều kiện tiên quyết và là nền móng cho việc thiết kế, xây dựng cho mọi hoạt động của MSB. Một cơ cấu tổ chức tối ưu với các chức năng nhiệm vụ mô tả rõ ràng sẽ giúp xác định các năng lực cần có (xây khung năng lực) để thực hiện và phát triển tổ chức, làm cơ sở để xây dựng chuẩn hoá các quy trình phối hợp và quản lý nhằm đảm bảo công tác phối hợp, chia sẻ kiến thức và khai thác các lợi ích về quy mô/sản phẩm/dịch vụ/khách hàng, cũng như đưa ra các cơ chế quản lý kết quả làm việc (xây mô tả công việc và KPIs) để kiểm tra, giám sát hiệu quả.

Tổ chức bộ máy của MSB được xây dựng bao gồm nhiều cấp quản trị và điều hành, dựa trên các nguyên tắc thiết kế phù hợp với thông lệ quốc tế và đảm bảo đạt các mục tiêu chiến lược đề ra, cụ thể:

- Cơ cấu các Ngân hàng Chuyên doanh được xây dựng theo phân khúc, sản phẩm, kênh và hỗ trợ để thúc đẩy việc thấu hiểu khách hàng và phù hợp với nhu cầu khách hàng.
- Đơn giản hóa và hiệu quả cơ cấu tổ chức, các tuyến báo cáo, đặc biệt tại các Khối/Ban hỗ trợ.
- Tạo ra những thay đổi quan trọng để hỗ trợ tổ chức, thúc đẩy động lực của nhân sự trước thay đổi của tổ chức.

Về Bộ máy quản trị: Đứng đầu là Đại hội đồng Cổ đông (Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát). Cấp quản trị dưới Đại hội đồng Cổ đông là Hội đồng Quản trị quản lý các Ủy ban chuyên trách (Ủy ban Chiến lược/ Công nghệ/ Nhân sự/ Quản lý Rủi

ro/ Tín dụng & Đầu tư/ Xử lý Rủi ro) và Ban Kiểm soát (với bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc) theo từng mảng công việc, với vai trò tham mưu giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc ra các quyết định điều hành Ngân hàng.

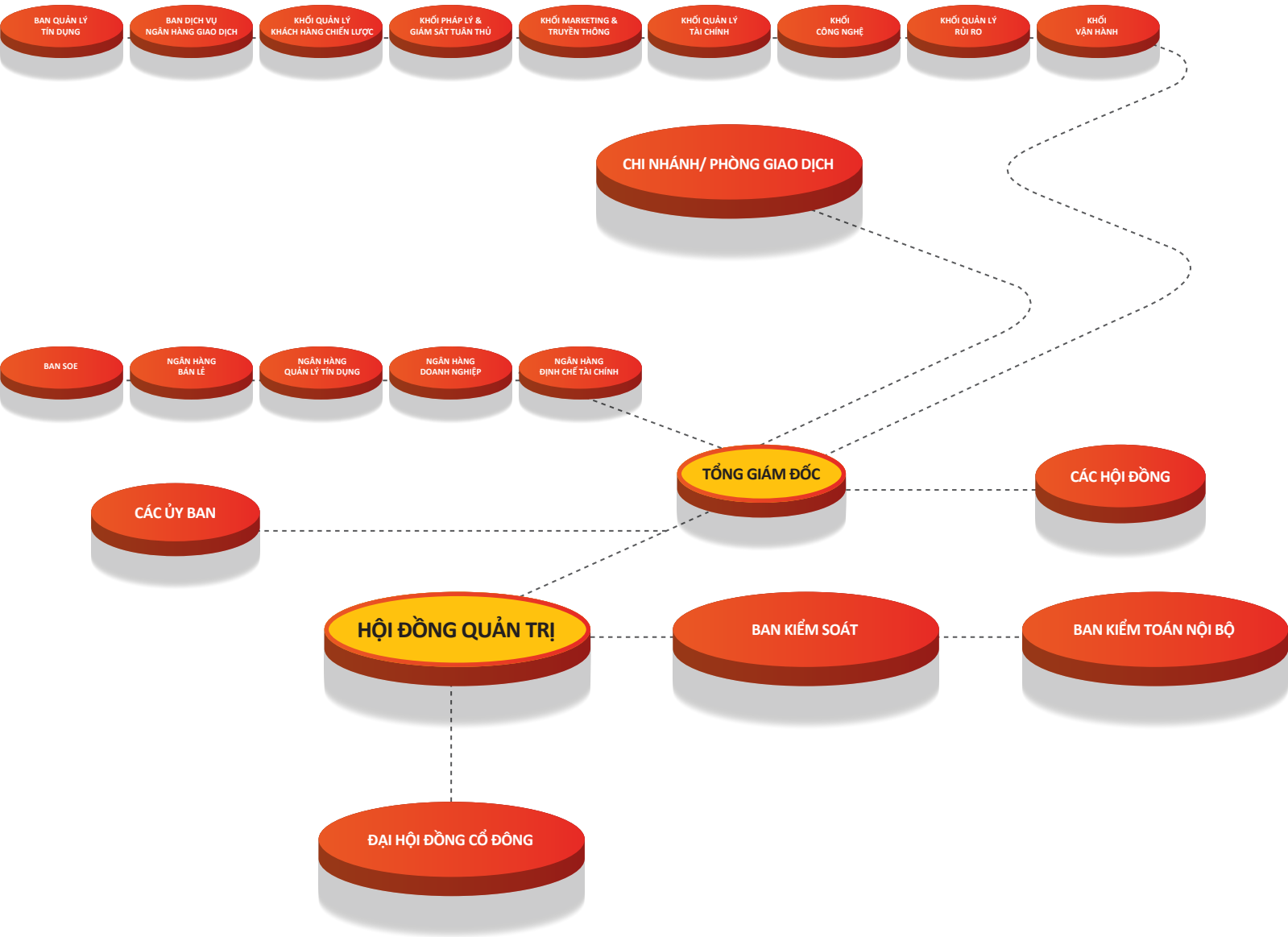
Về Bộ máy điều hành: Đứng đầu là Tổng Giám đốc MSB, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng điều hành trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng với 5 Ngân hàng chuyên doanh và 9 Khối/ Ban hỗ trợ. Với cơ cấu tổ chức theo chiều dọc, các Ngân hàng chuyên doanh được xây dựng và vận hành xuyên suốt từ phân khúc đến giải pháp/ sản phẩm và các kênh bán, hỗ trợ. Việc phân chia hoạt động kinh doanh các Ngân hàng chuyên doanh giúp MSB đảm bảo được chất lượng phục vụ tốt nhất cho từng phân khúc khách hàng cũng như định vị khẩu vị rủi ro phù hợp với phân khúc đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh theo từng mũi nhọn đã xác định. Các Ngân hàng chuyên doanh bao gồm:

- Ngân hàng Định chế tài chính phục vụ khách hàng định chế, tổ chức tài chính.
- Ngân hàng Doanh nghiệp phục vụ khách hàng doanh nghiệp (lớn, vừa và nhỏ, siêu nhỏ) và Ban SOE phục vụ các khách hàng là doanh nghiệp nhà nước.
- Ngân hàng Bán lẻ phục vụ các khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh.
- Ngân hàng Quản lý tín dụng phục vụ khách hàng chiến lược.

Các hoạt động hỗ trợ và vận hành được thực hiện bởi 9 Khối/Ban hỗ trợ nhằm đảm bảo vận hành liên tục ổn định an toàn, phục vụ hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng chuyên doanh và đạt được các mục tiêu chiến lược chung của toàn hàng. Đặc biệt, việc thành lập mới Khối Ngân hàng số giúp MSB có mô hình vận hành phù hợp với xu thế chung của thời đại, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của khách hàng mà trong đó, mục tiêu lớn hơn là số hoá các hành trình khách hàng và đổi mới sáng tạo thông qua việc tạo ra hệ sinh thái số để giúp Ngân hàng tiếp cận khách hàng một cách toàn diện từ doanh nghiệp đến người dùng cuối. Bên cạnh đó, mô hình Chi nhánh/PGD được thiết kế phân chia theo địa bàn để khắc phục các nhược điểm của mô hình ngành dọc chuyên sâu trước đây và phù hợp với quy mô của MSB hiện tại.

Mô hình tổ chức được phân cấp phù hợp cùng với hệ thống nhân sự chất lượng kết hợp hệ thống kiểm soát chặt chẽ đã và đang tạo nên nền tảng vững mạnh cho MSB trong việc thực thi chiến lược phát triển theo định hướng đã đề ra đưa MSB trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG TRẦN ANH TUẤN

*Chủ tịch
Hội đồng Quản trị*

*Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Đại học Griggs, Hoa Kỳ.*

Ông tham gia quản trị và điều hành MSB từ năm 2007 với các chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc. Từ tháng 2/2012 đến 5/2018, ông giữ chức Chủ tịch HĐQTMSB. Tháng 5/2018, ông được bầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị MSB nhiệm kỳ 2018 - 2021.



ÔNG NGUYỄN HOÀNG AN

*Phó Chủ tịch
Hội đồng Quản trị*

*Cử nhân Kinh tế,
Học viện Ngân hàng.
Ông An gia nhập MSB từ năm 1992 và đảm nhiệm các vị trí như: Trưởng phòng Tín dụng, GD Chi nhánh Thanh Xuân, GD Chi nhánh Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc. Từ tháng 10/2011 đến tháng 5/2018, ông là Phó Tổng Giám đốc MSB. Tháng 5/2018, ông được bầu là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị MSB nhiệm kỳ 2018 - 2021.*



BÀ NGUYỄN THỊ THIÊN HƯƠNG

*Thành viên
Hội đồng Quản trị*

*Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Đại học Hawaii, Manoa, Hoa Kỳ.
Bà Hương có 22 năm kinh nghiệm trong ngành Ngân hàng. Từ 1995 tới 2016 bà làm việc tại Techcombank và nắm giữ nhiều chức vụ khác nhau như: Trưởng phòng Tín dụng, Phó Tổng Giám Đốc và Thành viên thường trực Ủy ban kiểm toán rủi ro. Tháng 5/2018, bà được bầu là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị MSB.*



ÔNG TRẦN XUÂN QUẢNG

*Thành viên
Hội đồng Quản trị*

*Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Đại học Southern California, Hoa Kỳ.
Tại MSB, ông Quảng từng đảm nhiệm các vị trí: Phó GD phụ trách Nguồn vốn & KHCN, GD Khối Ngân hàng Doanh nghiệp, Phó Tổng GD kiêm GD Khối Quản lý Chiến lược, GD Khối Quản lý Rủi ro, PTGD Thường trực. Từ tháng 11/2013, ông giữ chức vụ Phó Tổng GD MSB, TGD Ngân hàng Doanh nghiệp. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên MSB tổ chức tháng 4/2016, ông được bầu vào HĐQT và được HĐQT giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch Thường trực. Tháng 5/2018, ông được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị MSB nhiệm kỳ 2018 - 2021.*



ÔNG HUỲNH BỬU QUANG

*Thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc*

*Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Đại học Hawaii, Manoa, Hoa Kỳ.
Ông Quang có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và nắm giữ những vị trí cấp cao của Tập đoàn HSBC như: GD Khu vực Châu Á Thái Bình Dương phụ trách khối DV thanh toán quốc tế và tài trợ chuỗi cung ứng của 9 nước ở khu vực. GD Điều hành NHTM của Tập đoàn HSBC tại Indonesia. Từ tháng 10/2015, ông giữ chức vụ TGD MSB. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên MSB tổ chức tháng 4/2016, ông được bầu là Thành viên HĐQT MSB kiêm TGD Ngân hàng. Tháng 5/2018, ông được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị MSB nhiệm kỳ 2018 - 2021.*



BÀ LÊ THỊ LIÊN

*Thành viên Độc lập
Hội đồng Quản trị*

*Tiến sĩ khoa học về Quản trị kinh doanh
Đại Học California Miramar, Hoa Kỳ.
Từ năm 2007 tới 2012 bà từng là Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam nhiệm kỳ IV, kiêm đại diện vốn của VNPT tại Ngân hàng và Trưởng Ban Đầu tư và Quản lý vốn, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Năm 2012 tới 2017, bà nắm giữ các vị trí Trưởng Ban Đầu tư và Quản lý vốn, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Phó Trưởng Ban Tài chính - Chiến lược thuộc Hội đồng Thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Tháng 5/2018, bà được bầu là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị MSB.*

BAN KIỂM SOÁT



BÀ PHẠM THỊ THÀNH

Trưởng Ban Kiểm soát

*Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Tài chính
Tiền tệ Tín dụng trường Đại học
Kinh tế Quốc dân.*

Bà Thành từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: PGĐ Ngân hàng Nhà Nước tỉnh Hà Tây (cũ); Phó Vụ trưởng Vụ Tổng Kiểm Soát Ngân hàng Nhà Nước VN, Ủy viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm Soát NH Chính sách Xã hội VN. Bà gia nhập MSB từ tháng 4/2009 với vai trò thành viên Ban Kiểm Soát. Từ tháng 9/2009 đến nay bà giữ chức Trưởng Ban Kiểm Soát MSB. Tháng 5/2018 bà được bầu là thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2018 - 2021.



BÀ LÊ THANH HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

*Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Đại học Griggs, Hoa Kỳ.*

Bà Hà gia nhập MSB từ 1991 và đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các bộ phận Kế toán, Dịch vụ khách hàng, Quản lý vốn, Đầu tư và Kinh doanh ngoại tệ, PGĐ Khối Thị trường Tài chính - Ngân hàng Định chế Tài chính. Từ tháng 2/2012 đến nay, bà giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát MSB. Tháng 5/2018 bà được bầu là thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2018 - 2021.



BÀ CHU THỊ ĐÀM

Thành viên Ban Kiểm soát

Thạc sĩ Kinh tế Học viện Tài chính.

Bà Đàm có 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng. Bà gia nhập MSB từ tháng 9/2008 và từng đảm nhiệm chức Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ. Từ tháng 2/2012 đến nay bà giữ chức thành viên Ban Kiểm Soát MSB. Tháng 5/2018 bà được bầu là thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2018 - 2021.

BAN ĐIỀU HÀNH



BÀ NGUYỄN HƯƠNG LOAN

Phó TGD MSB

TGD NH Định chế Tài chính

*Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,
Đại học Sorbonne Paris 1.*

Bà Nguyễn Hương Loan gia nhập MSB năm 2009 với vai trò Phó TGD phụ trách Khối Nguồn vốn; Phó TGD MSB, TGD Ngân hàng Doanh nghiệp lớn & Định chế Tài chính kiêm Giám đốc Khối Thị trường tài chính.

Hiện tại, bà giữ chức vụ Phó TGD MSB, TGD Ngân hàng Định chế tài chính.



ÔNG NGUYỄN THẾ MINH

Phó TGD MSB

TGD NH Doanh nghiệp

*Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng,
Đại học ESCP và Paris Dauphine, Pháp.*

Ông Nguyễn Thế Minh có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng uy tín như: Giám đốc Khối MME, Giám đốc miền Bắc - HSBC VN, Giám đốc cao cấp Khối Doanh nghiệp & các dự án tài chính - Calyon Việt Nam... Từ tháng 4/2015 đến nay, ông giữ chức vụ Phó TGD MSB kiêm TGD Ngân hàng Doanh nghiệp lớn. Tháng 12/2018, ông giữ chức Phó TGD kiêm TGD NH Doanh nghiệp của MSB.



ÔNG NGUYỄN HOÀNG LINH

Phó TGD MSB

Giám đốc NH Bán lẻ

*Cử nhân Kinh tế của ĐH
Kinh tế Quốc dân Hà Nội,
Thạc sỹ kinh tế ĐH Bách khoa Hà Nội.*

Ông Nguyễn Hoàng Linh có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các ngân hàng tại Việt Nam như: Thành viên HĐQT PVCombank, TGD PVCombank, TGD Western Bank, TGD ngân hàng Việt Á,... Tại MSB, ông đã trải qua hơn 15 năm công tác và được tin tưởng giao phó giữ nhiều trọng trách như: GĐ MSB Hồ Chí Minh, Phó TGD kiêm TGD Ngân hàng Doanh nghiệp, Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Chiến lược ... Tháng 3/2019, ông được bổ nhiệm làm Phó TGD kiêm TGD Ngân hàng Bán lẻ của MSB.

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG NGUYỄN PHI HÙNG

Phó TGD MSB

Giám đốc Khối Vận hành

*Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh,
Viện Công nghệ Châu Á - AIT..*

Ông Nguyễn Phi Hùng từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại PG Bank, GP Bank, Citibank Hà Nội như: Giám đốc Khối Vận hành, Giám đốc phát triển Khách hàng SME, Giám đốc Dự án, Trưởng phòng Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại, Trưởng phòng phụ trách Giao dịch ngân quỹ. Ông gia nhập MSB năm 2013 với cương vị Giám đốc Khối Công nghệ & Vận hành. Hiện tại, ông giữ chức vụ Phó TGD MSB kiêm Giám đốc Khối Vận hành.



BÀ NGÔ XUÂN HÒA

Quyền TGD NH

Quản lý Tín dụng

*Cử nhân Luật,
Trường Đại học Luật Hà Nội.*

Bà Ngô Xuân Hòa gia nhập MSB từ năm 2010 và từng đảm trách những vị trí quan trọng như: Phó Giám đốc Ban Quản lý tín dụng và Đầu tư, Phó TGD Ngân hàng Quản lý tín dụng, Giám đốc Khối Quản lý khách hàng chiến lược. Từ tháng 4/2018, bà Hòa được bổ nhiệm giữ chức vụ Quyền TGD Ngân hàng Quản lý Tín dụng.



BÀ NGUYỄN THU TRANG

Giám đốc Nhân sự

Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Bà Nguyễn Thu Trang gia nhập MSB từ năm 2008 và từng đảm trách những vị trí quan trọng như: Phó Trưởng ban Trợ lý TGD, Phó Chánh văn phòng Hội đồng Điều hành, Giám đốc Nhân sự MSB kiêm Chánh Văn phòng. Từ tháng 5/2015 đến nay, bà giữ chức vụ Giám đốc Nhân sự MSB.



BÀ ĐINH THỊ TỐ UYÊN

*GD Khối Marketing
& Truyền thông*

Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh.

Bà Đinh Thị Tố Uyên đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing & Truyền thông với các vị trí như: Giám đốc Marketing và Thương hiệu Techcombank; Giám đốc Marketing & Phát triển Kinh doanh British Petroleum; Trưởng Phòng Marketing Shell Gas Vietnam... Từ tháng 5/2015 đến nay, bà giữ chức vụ Giám đốc Khối Marketing & Truyền thông MSB.



ÔNG SAI PRASAD TUMMAPUDI

*Giám đốc
Khối Công nghệ*

Cử nhân Thương mại tại Đại học Andhra.

Ông Sai Prasad Tummapudi có 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng, cao cấp tại các tổ chức uy tín trên thế giới như: Giám đốc Quản lý Phát triển Sản phẩm Số, Ngân hàng CIMB - Malaysia; Giám đốc Vùng Ngân hàng Giao dịch, Ngân hàng CIMB - Malaysia; Giám đốc Vùng Internet và Mobile Banking, Ngân hàng CIMB - Malaysia; Thành viên Hội đồng Kỹ thuật, Giám đốc Tư vấn Kỹ thuật Group COO, Ngân hàng CIMB - Malaysia;... Tháng 3/2018, ông Sai Prasad Tummapudi gia nhập MSB và được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ.



BÀ LẠI THANH MAI

*Giám đốc Khối Pháp lý
và Giám sát tuân thủ*

*Luật sư, Cử nhân Luật,
Trường Đại học Luật Hà Nội.*

Bà Lại Thanh Mai đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp luật - tuân thủ trong hoạt động ngân hàng. Bà gia nhập MSB từ năm 1997, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại MSB như: Trưởng Phòng Pháp chế, Trưởng Ban Thư ký Hội đồng Quản trị, Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Giám sát tuân thủ. Tháng 12/2018, bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Pháp lý và Giám sát tuân thủ.

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG BEDE POHLEN

Giám đốc

Khối Quản lý Rủi ro

*Cử nhân Thương mại, chuyên ngành
Kế Toán và Luật Thương Mại,
Đại học Auckland, New Zealand.*

Ông Bede Pohlen có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc tại các tập đoàn tài chính và ngân hàng quốc tế. Trước khi làm việc tại MSB, ông đã từng giữ nhiều vị trí quản lý cấp cao như GD Phục Hồi Tài Chính DN và GD phụ trách các DV Tài chính DN KPMG London và Hồng Kông, Phó CT K.Phục Hồi Tài chính DN và sau đó là Phó CT Cao cấp kiêm GD QLRR và Tín dụng HSBC - Philippines, GD DN Toàn cầu tại NH Định chế HSBC - London, GD QLRR tại NH Arab, Phó TGĐ kiêm GD QLRR tại Tập đoàn Tài chính Gulf - các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất...



ÔNG NILESH BANGLOREWALA

Giám đốc

Khối Quản lý Tài chính

*Cử nhân Thương mại và Kế toán
công chứng.*

Ông Nilesh Banglorewala có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các ngân hàng lớn như HSBC, Standard Chartered Bank, Scotia Capital khu vực Châu Á, Trung Cận Đông và Bắc Mỹ với rất nhiều các vị trí khác nhau như: Giám đốc Vùng Quản lý tài chính, Giám đốc Tài chính. Ông gia nhập MSB từ tháng 7/2011 đến tháng 6/2014. Tháng 09/2015, ông trở lại MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản lý Tài chính MSB.



TNR TOWER



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là “MSB”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 77 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của MSB tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MSB cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Ngân hàng cho rằng Ngân hàng hoặc các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “MSB”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 4 năm 2019

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của MSB liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của MSB. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày của Ngân hàng và các công ty con, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 4(f)(iv) của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. MSB thực hiện trích lập dự phòng cụ thể cho các trái phiếu đặc biệt do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành từ năm 2015 đến năm 2017 theo Công văn số 9924/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2016 và Công văn số 1164/NHNN-TTGSNH.m do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2018. Vấn đề này không ảnh hưởng tới ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00070-FS-2019-2



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2019

A blue ink signature, likely belonging to Trần Đình Vinh, written in a cursive style.

Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0339-2018-007-1

	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng	5	2.337.874	1.996.872
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”)	6	2.406.346	3.448.104
III. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	7	22.689.332	8.602.306
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		17.443.367	7.631.132
2. Cho vay các TCTD khác		5.367.666	1.082.257
3. Dự phòng rủi ro		(121.701)	(111.083)
IV. Chứng khoán kinh doanh	8	51.921	65.995
1. Chứng khoán kinh doanh		127.927	127.927
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(76.006)	(61.932)
V. Cho vay khách hàng		47.768.344	35.783.876
1. Cho vay khách hàng	10	48.762.243	36.212.703
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(993.899)	(428.827)
VI. Hoạt động mua nợ	12	25.616	32.857
1. Mua nợ		42.148	41.046
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(16.532)	(8.189)
VII. Chứng khoán đầu tư	13	40.695.552	44.901.863
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		38.353.625	36.941.181
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		3.313.919	9.319.142
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(971.992)	(1.358.460)
VIII. Góp vốn, đầu tư dài hạn	14	10.036	9.251
1. Đầu tư dài hạn khác		10.036	9.251
IX. Tài sản cố định (“TSCĐ”)		330.715	572.458
1. Tài sản cố định hữu hình	15	163.240	127.512
a. Nguyên giá		707.431	622.232
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(544.191)	(494.720)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	16	-	263.282
a. Nguyên giá		-	312.780
b. Giá trị hao mòn lũy kế		-	(49.498)
3. Tài sản cố định vô hình	17	167.475	181.664
a. Nguyên giá		454.511	420.827
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(287.036)	(239.163)
X. Bất động sản đầu tư	18	1.087.657	859.030
a. Nguyên giá		1.251.850	998.650
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(164.193)	(139.620)
XI. Tài sản Có khác	19	20.365.295	15.966.366
1. Các khoản phải thu		11.005.649	7.790.470
2. Các khoản lãi, phí phải thu		3.137.733	3.376.869
3. Tài sản có khác		7.107.427	5.401.531
Trong đó: Lợi thế thương mại		65.036	75.018
4. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(885.514)	(602.504)
TỔNG TÀI SẢN		137.768.688	112.238.978

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
I. Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	20	9.708.388	2.019.657
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	21	37.670.811	29.534.151
1. Tiền gửi của các TCTD khác		21.870.789	12.864.957
2. Vay các TCTD khác		15.800.022	16.669.194
III. Tiền gửi của khách hàng	22	63.528.770	56.848.515
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	162.292	52.724
V. Phát hành giấy tờ có giá	23	8.414.977	7.348.899
VI. Các khoản nợ khác	24	4.463.296	2.713.090
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.323.308	1.427.292
2. Các khoản phải trả và công nợ khác		3.139.988	1.285.798
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		123.948.534	98.517.036
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VII. Vốn và các quỹ	25		
1. Vốn		11.109.953	11.879.878
a. Vốn điều lệ		11.750.000	11.750.000
b. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		608	608
c. Thặng dư vốn cổ phần		400.000	400.000
d. Cổ phiếu quỹ		(1.040.655)	(270.730)
2. Các quỹ của TCTD		703.330	684.054
3. Lợi nhuận chưa phân phối		2.006.871	1.158.010
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.820.154	13.721.942
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		137.768.688	112.238.978

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết khác			
1. Bảo lãnh vay vốn	40	10.000	10.000
2. Cam kết giao dịch hối đoái	40	95.137.019	105.159.681
Cam kết mua ngoại tệ		4.051.866	4.129.576
Cam kết bán ngoại tệ		4.050.683	4.127.063
Cam kết giao dịch hoán đổi		87.034.470	96.903.042
3. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	40	1.801.794	1.866.640
4. Bảo lãnh khác	40	3.935.270	2.630.656
5. Các cam kết khác	40	343.989	4.961.989

Ngày 1 tháng 4 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người duyệt



Niles Ratilal Banglorewala
Kế toán trưởng



Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	7.511.446	6.123.339
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27	(4.609.175)	(4.521.262)
I. Thu nhập lãi thuần		2.902.271	1.602.077
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		463.072	324.356
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		(191.486)	(187.833)
II. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	28	271.586	136.523
III. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	209.414	65.208
IV. (Lỗ)/ lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	(14.406)	32.367
V. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	31	720.912	1.029.818
5. Thu nhập từ hoạt động khác		660.073	463.501
6. Chi phí hoạt động khác		(69.629)	(82.118)
VI. Lãi thuần từ hoạt động khác	32	590.444	381.383
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		35.889	274
VIII. Chi phí hoạt động	33	(2.923.739)	(2.065.862)
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.792.371	1.181.788
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	34	(739.595)	(1.017.359)
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		1.052.776	164.429
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(184.487)	(42.397)
XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	35	(184.487)	(42.397)
XIII. Lợi nhuận sau thuế		868.289	122.032
XIV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	36	762	107

Ngày 1 tháng 4 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người duyệt

Nilesh Ratilal Banglorewala
Kế toán trưởng



Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	2018	2017
	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	7.750.582	5.521.468
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(4.713.159)	(4.456.230)
3. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	271.586	136.523
4. Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	1.138.090	854.223
5. Chi phí khác	(602.822)	(216.041)
6. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	318.993	64.644
7. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(1.954.666)	(1.570.217)
8. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(24.595)	(2.357)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	2.184.009	332.013
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
9. (Tăng)/giảm tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(4.289.284)	2.534.664
10. Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	4.125.474	(13.941.541)
11. Tăng các khoản cho vay khách hàng	(12.550.405)	(1.090.261)
12. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư	(702.355)	(315.775)
13. Tăng về tài sản hoạt động khác	(3.965.187)	(1.473.968)
Những thay đổi về nợ hoạt động		
14. Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	7.688.730	(2.366.392)
15. Tăng tiền gửi và vay từ các TCTD khác	8.136.660	18.997.917
16. Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng	6.680.256	(738.290)
17. Tăng phát hành giấy tờ có giá	1.066.078	3.130.851
18. Tăng các công cụ tài chính phát sinh và các khoản nợ tài chính khác	109.568	1.219
19. Tăng khác về nợ hoạt động	1.503.876	356.477
20. Chi từ các quỹ của TCTD	(152)	(76)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	9.987.268	5.426.838
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Mua sắm tài sản cố định	(138.929)	(97.972)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	29.940	257.366
3. Tiền chi mua sắm bất động sản đầu tư	(500)	19.635
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(785)	-
5. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	565	274
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(109.709)	179.303

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(30)	(20)
2. Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	(769.925)	-
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(769.955)	(20)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	9.107.604	5.606.121
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	12.853.983	7.247.862
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm (Thuyết minh 37)	21.961.587	12.853.983

Ngày 1 tháng 4 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người duyệt

Nilesh Ratilal Banglorewala
Kế toán trưởng



Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (“Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0001/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 8 tháng 6 năm 1991 và Quyết định số 719/QĐ-NHNN ngày 7 tháng 7 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

(b) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 2017, số vốn điều lệ của Ngân hàng là 11.750.000 triệu Việt Nam Đồng. Ngân hàng đã phát hành 1.175 triệu cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 10.000 Việt Nam Đồng.

(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, năm mươi tám (58) chi nhánh, hai trăm mười bốn (214) phòng giao dịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm kết thúc cùng ngày bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là “MSB”).

Tại ngày báo cáo, Ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp</i>	<i>Lĩnh vực hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng</i>
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“MSB AMC”)	0200124891-027 ngày 12 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng (“FCCOM”) (trước đây gọi là Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - “MSB FC”)	0301516782 ngày 11 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MSB theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài sản khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của MSB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của MSB là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất (“triệu VND”).

3. ÁP DỤNG CÁC HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Thông tư số 22/2017/TT-NHNN

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 22/2017/TT-NHNN (“Thông tư 22”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Thông tư 22 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 2018.

Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của MSB liên quan đến việc áp dụng Thông tư 22 được trình bày trong Thuyết minh 4(b). Bên cạnh đó, cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của MSB có một số thay đổi theo mẫu biểu mới của Thông tư 22.

Thông tư số 16/2018/TT-BTC

Ngày 7 tháng 2 năm 2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 16/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 2 năm 2018 hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 16”). Thông tư 16 có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 3 năm 2018 và thay thế Thông tư 05/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 9 tháng 1 năm 2013.

Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của MSB liên quan đến việc áp dụng Thông tư 16 và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của MSB được trình bày trong Thuyết minh 4(y).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được MSB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của MSB. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ MSB và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(iii) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho MSB. Sự kiểm soát tồn tại khi MSB có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trước ngày 1 tháng 4 năm 2018

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Từ ngày 1 tháng 4 năm 2018

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay (đối với vàng quy đổi theo tỷ giá bình quân mua và bán vàng) của Ngân hàng tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 tại Thuyết minh 48). Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì MSB sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán để quy đổi.

Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của MSB được quy đổi sang VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch.

Việc thay đổi chính sách kế toán nêu trên được áp dụng phi hồi tố và không có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của MSB.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác đủ điều kiện chiết khấu, tiền gửi tại các TCTD khác với kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá ba tháng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng.

Vàng được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo giá mua bình quân của ít nhất 3 tổ chức kinh doanh vàng có uy tín. Chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(d) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các TCTD khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Cho vay các TCTD khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc từ ba tháng trở lên.

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”) có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 2014. Theo đó, MSB trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại thuyết minh 4(i). Theo Thông tư 02, MSB không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác.

(e) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn. MSB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày MSB trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(ii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập đối với chứng khoán nợ kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết. Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập theo quy định của Thông tư 02 và 09 như trình bày tại Thuyết minh 4(i).

Dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá đang ghi nhận trên sổ sách kế toán.

Đối với các loại chứng khoán kinh doanh đã niêm yết tại Việt Nam, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UpCom tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC, giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Đối với chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết khác, trong trường hợp giá thị trường của chứng khoán không có hoặc không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Thu nhập từ lãi của chứng khoán nợ và chứng khoán vốn kinh doanh sau ngày mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi MSB mua chứng khoán nợ kinh doanh sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

(ii) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MSB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(f) Chứng khoán đầu tư

(i) Phân loại

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. MSB phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, MSB được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà MSB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

ii) Ghi nhận

MSB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày MSB trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết tại Việt Nam là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này được hạch toán theo giá gốc.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày tại Thuyết minh 4(i).

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi MSB mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MSB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(v) Trái phiếu đặc biệt do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của MSB.

MSB hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 (“Công văn 8499”) và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014 (“Công văn 925”). Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ đi dự phòng rủi ro.

Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, MSB nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dự gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, MSB ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, MSB ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC (“Thông tư 19”) và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2014 (“Thông tư 14”) và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2016 (“Thông tư 08”) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19. Theo đó, trái phiếu đặc biệt có kỳ hạn từ 5 năm đến 10 năm và dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm là khoản chênh lệch dương giữa (Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt chia kỳ hạn của trái phiếu đó) trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan trong năm. Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, MSB phải trích lập đủ số dự phòng cụ thể nói trên. Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành từ năm 2015 đến năm 2017, MSB thực hiện trích lập dự phòng cụ thể theo Công văn số 9924/NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2016 và Công văn số 1164/NHNN-TTGSNH.m do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2018 (“Công văn 1164”).

MSB không phải trích lập dự phòng chung cho các trái phiếu đặc biệt này.

(g) Góp vốn, đầu tư dài hạn

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và MSB không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế mà MSB đang đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của MSB tại đơn vị đó. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(h) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của MSB đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản cho vay này chấm dứt, hay khi MSB chuyển giao các khoản vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản cho vay được bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”), MSB tiến hành xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày tại Thuyết minh 4(i).

(i) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

(i) Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”), các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng tương ứng đối với khoản nợ vay gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được chiết khấu. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, MSB phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày MSB thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với MSB mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì MSB buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi MSB tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, MSB thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và của MSB.

MSB cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNNVN (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, MSB điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, dự phòng cụ thể được xác định dựa trên số dư và kết quả phân loại nợ của các khoản cho vay của từng khách hàng tại ngày làm việc cuối cùng của quý. Riêng đối với quý cuối cùng, dự phòng cụ thể được xác định dựa trên số dư và kết quả phân loại nợ của các khoản vay tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11. Dự phòng cụ thể được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được chiết khấu.

Tài sản đảm bảo là động sản, bất động sản và các tài sản đảm bảo không phải là vàng miếng, chứng khoán Chính phủ được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng khoán do doanh nghiệp hoặc tổ chức tín dụng khác phát hành có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 Luật các Tổ chức tín dụng và tài sản đảm bảo có giá trị từ 200 tỷ VND trở lên được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá. Đối với các trường hợp khác, tài sản đảm bảo được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của MSB.

Tài sản đảm bảo nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 12, Khoản 3 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải xem như bằng không.

(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng chung cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn tại ngày làm việc cuối cùng của quý hoặc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11 đối với quý cuối cùng của mỗi kỳ kế toán năm.

(iv) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(v) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không có dự phòng nào được lập cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi MSB được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(i).

(j) Các công cụ tài chính phái sinh

(i) Các hợp đồng ngoại hối

MSB ký kết các hợp đồng tiền tệ kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro tỷ giá đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của MSB.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán. Chênh lệch do đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm hoặc khi đáo hạn hợp đồng; chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết giữa hai bên, bao gồm hai giao dịch giao ngay, hoặc hai giao dịch kỳ hạn, hoặc một giao dịch giao ngay và một giao dịch kỳ hạn. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị khoản vốn danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các cam kết hoán đổi tiền tệ. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền không hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn tiền tệ. Các khoản thu nhập và chi phí lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(k) Hoạt động mua nợ

(i) Mua nợ

Giá trị khoản mua nợ được ghi nhận là một khoản cho vay/phải thu khác theo giá mua theo hợp đồng. Khoản tiền lãi nhận được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ khoản tiền lãi phát sinh từ trước khi MSB mua nợ được ghi giảm giá trị khoản mua nợ.

(ii) Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ

Các khoản nợ mua về được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó được phân loại bởi bên bán trước khi mua và được trích lập dự phòng theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 4(i).

(l) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. tThời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Nhà cửa và vật kiến trúc	5- 50 năm
• Máy móc thiết bị	5- 20 năm
• Phương tiện vận tải	6- 30 năm
• Thiết bị dụng cụ quản lý	3- 10 năm
• Các tài sản cố định hữu hình khác	<u>4- 25 năm</u>

(m) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá thanh toán và các chi phí phát sinh liên quan tới việc đảm bảo quyền sử dụng đất.

(ii) Các tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(n) Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|---------------------------------|------------------|
| • Quyền sử dụng đất có thời hạn | 13- 50 năm |
| • Nhà cửa | <u>3- 21 năm</u> |

Quyền sử dụng đất vô thời hạn do được nhận chuyển nhượng hợp pháp được phản ánh theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(o) Các tài sản có khác

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

Các tài sản có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các tài sản có quá hạn thanh toán, MSB áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”). Mức trích dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
• Từ ba (03) năm trở lên	100%

(p) Dự phòng khác

Một khoản dự phòng ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày ở Thuyết minh 4(d), 4(e), 4(f), 4(g), 4(h), 4(i), 4(k) và 4(p) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, MSB có vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua và sáp nhập một công ty khác. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị phân bổ. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của MSB trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại sẽ được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(r) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi khách hàng được ghi nhận theo nguyên giá.

(s) Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc.

(t) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(u) Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho MSB từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của người lao động trong 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc của người đó. Trước năm 2012, dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho MSB.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Theo đó, MSB đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

(v) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(w) Các quỹ dự trữ

(i) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng (“Nghị định 93”), Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế (chưa hợp nhất)	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế (chưa hợp nhất)	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.
Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế (chưa hợp nhất). Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế cho các quỹ này được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(iii) Các quỹ dự trữ của công ty con

Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng (“FCCOM”)

Theo Nghị định 93, FCCOM phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng.

Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“MSB AMC”)

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ.

(x) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của MSB.

(y) Doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Trước ngày 26 tháng 3 năm 2018

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(i) được ghi nhận khi MSB thực sự thu được. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(i) thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

Từ ngày 26 tháng 3 năm 2018

MSB đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 16. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(i) và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước được ghi nhận khi MSB thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(i) hoặc được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

Việc thay đổi chính sách kế toán nêu trên được áp dụng phi hồi tố và không có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của MSB.

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của MSB được xác lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, MSB chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(iv) Thu nhập từ đầu tư

Thu nhập từ bán chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (chứng khoán niêm yết) và hoàn tất thỏa thuận chuyển giao tài sản (chứng khoán chưa niêm yết) và được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán được bán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của MSB được thiết lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, MSB chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(z) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(aa) Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(bb) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(cc) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(dd) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của MSB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi MSB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(ee) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của MSB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của MSB là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(ff) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

MSB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của MSB chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(gg) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào MSB cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. MSB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

(hh) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 (“Quyết định 16”) của Thống đốc NHNNVN về chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 49”) của Thống đốc NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(ii) Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của MSB, tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, MSB phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MSB xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà MSB có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được MSB xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được MSB xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà MSB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được MSB xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được MSB xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc;
- các khoản mà MSB có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MSB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày tại các thuyết minh liên quan khác.

5. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	1.223.493	1.110.393
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.113.722	884.304
Vàng	659	2.175
	2.337.874	1.996.872

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHNNVN		
Bằng VND	1.639.223	3.110.105
Bằng ngoại tệ	767.123	337.999
	2.406.346	3.448.104

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	9.527.861	3.388.492
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	661.626	654.790
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4.971.000	2.197.500
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.282.880	1.390.350
	17.443.367	7.631.132
Cho vay các TCTD khác		
- Bằng VND	5.367.666	513.550
- Bằng ngoại tệ	-	568.707
	5.367.666	1.082.257
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(121.701)	(111.083)
	22.689.332	8.602.306

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác như sau:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Nhóm 1- Nợ đủ tiêu chuẩn	12.227.523	4.447.982
Nhóm 2- Nợ cần chú ý	394.023	222.125
	12.621.546	4.670.107

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán vốn		
- Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	127.927	127.927
- Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(76.006)	(61.932)
	<u>51.921</u>	<u>65.995</u>

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán vốn		
- Đã niêm yết	102.927	102.927
- Chưa niêm yết	25.000	25.000
	<u>127.927</u>	<u>127.927</u>

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày cuối năm như sau:

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)		Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
	Triệu VND	Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018				
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	5.674.637	-	(18.057)	(18.057)
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	<u>39.161.065</u>	-	<u>(144.235)</u>	<u>(144.235)</u>
	<u>44.835.702</u>	-	<u>(162.292)</u>	<u>(162.292)</u>

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	44.439.182	36.160.894
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	<u>4.323.061</u>	<u>51.809</u>
	<u>48.762.243</u>	<u>36.212.703</u>

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Nhóm 1- Nợ đủ tiêu chuẩn	46.365.153	34.418.047
Nhóm 2- Nợ cần chú ý	931.188	988.266
Nhóm 3- Nợ dưới tiêu chuẩn	185.203	130.880
Nhóm 4- Nợ nghi ngờ	38.181	35.179
Nhóm 5- Nợ có khả năng mất vốn	1.242.518	640.331
	48.762.243	36.212.703

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ ngắn hạn	24.947.585	17.333.702
Nợ trung hạn	11.864.038	10.691.691
Nợ dài hạn	11.950.620	8.187.310
	48.762.243	36.212.703

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2018		31/12/2017	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Cho vay các TCKT				
Doanh nghiệp Nhà nước	1.461.032	3,00%	867.759	2,40%
Công ty TNHH Nhà nước	971.289	1,99%	300.808	0,83%
Công ty TNHH Tư nhân	10.185.532	20,89%	7.640.889	21,10%
Công ty cổ phần Nhà nước	107.686	0,22%	26.810	0,07%
Công ty cổ phần khác	23.011.845	47,19%	17.249.253	47,63%
Doanh nghiệp tư nhân	163.402	0,34%	179.695	0,50%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	301.593	0,62%	225.648	0,62%
Cho vay cá nhân				
Cá nhân	12.559.864	25,76%	9.721.841	26,85%
	48.762.243	100,00%	36.212.703	100,00%

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2018		31/12/2017	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nông lâm nghiệp, thủy sản	1.022.254	2,10%	309.356	0,85%
Khai khoáng	823.846	1,69%	277.218	0,77%
Chế biến thủy hải sản	624.052	1,28%	317.737	0,88%
Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống, thức ăn chăn nuôi	443.812	0,91%	897.300	2,48%
Dệt may, sản xuất da dày, sản xuất trang phục	242.217	0,50%	269.792	0,75%
Khai thác và sơ chế gỗ, chế biến gỗ, sản xuất sản phẩm từ gỗ và lâm sản khác	106.708	0,22%	78.129	0,22%
Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy và in ấn	127.980	0,26%	129.114	0,36%
Sản xuất thuốc, hoá dược, dược liệu; cao su, nhựa, phân bón, hoá chất	472.933	0,97%	458.580	1,27%
Sản xuất vật liệu xây dựng (trừ thép, Inox, sơn, matit và các chất tương tự)	155.009	0,32%	87.292	0,24%
Sản xuất thép thành phẩm	35.871	0,07%	87.151	0,24%
Sản xuất phôi thép	13.278	0,03%	14.232	0,04%
Sản xuất Inox và luyện kim khác	333.454	0,68%	432.163	1,19%
Cơ khí, lắp ráp, chế tạo máy móc, ô tô, xe máy	366.740	0,75%	390.519	1,08%
Sản xuất điện tử, thiết bị điện, máy vi tính quang học, thiết bị viễn thông	1.000.070	2,05%	631.796	1,74%
Đóng tàu, thuyền	193.481	0,40%	192.412	0,53%
Sản xuất thiết bị văn phòng, đồ gia dụng, thiết bị y tế, giáo dục, thể dục thể thao	3.763	0,01%	11.486	0,03%
Sản xuất và phân phối điện, năng lượng	1.290.173	2,65%	209.987	0,58%
Xây dựng	2.771.981	5,68%	2.585.028	7,14%
Thương mại hàng công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng	4.060.024	8,33%	3.217.819	8,89%
Kinh doanh phân bón, hóa chất, các sản phẩm hóa chất khác, thuốc, hóa dược, dược liệu, thiết bị y tế	284.950	0,58%	134.786	0,37%
Thương mại xăng, dầu, gas, khí đốt	1.229.329	2,52%	776.210	2,14%
Kinh doanh sắt thép, xi măng, vật liệu xây dựng tổng hợp khác	1.156.519	2,37%	677.547	1,87%
Thương mại hàng công nghiệp nặng khác	952.294	1,95%	686.050	1,89%
Kinh doanh vận tải bộ và đường sông	268.801	0,55%	435.856	1,20%
Kinh doanh vận tải biển	236.608	0,49%	260.415	0,72%
Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, ăn uống, vui chơi giải trí	167.105	0,34%	148.381	0,41%
Kinh doanh bất động sản và cơ sở hạ tầng	19.512.395	40,01%	12.223.165	33,75%
Kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông	725.046	1,49%	653.568	1,80%
Dịch vụ công nghệ, khoa học công nghệ, dịch vụ hành chính, hỗ trợ; giáo dục y tế; Thông tin và truyền thông khác	453.473	0,93%	431.695	1,19%
Kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ	190.003	0,39%	77.265	0,21%
Hoạt động tài chính và chứng khoán	798.085	1,64%	718.736	1,98%
Ngành khác	8.699.989	17,84%	8.391.918	23,17%
	48.762.243	100,00%	36.212.703	100,00%

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng chung (i)	311.886	256.087
Dự phòng cụ thể (ii)	682.013	172.740
	993.899	428.827

(i) Biến động dự phòng chung của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	2018	2017
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	256.087	238.137
Trích lập dự phòng chung trong năm (Thuyết minh 34)	55.799	17.950
Số dư cuối năm	311.886	256.087

(ii) Biến động dự phòng cụ thể của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	2018	2017
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	172.740	213.887
Trích lập dự phòng chung trong năm (Thuyết minh 34)	937.433	186.997
Sử dụng dự phòng trong năm	(700.755)	(289.838)
Ảnh hưởng của việc bán các khoản cho vay	-	(45.683)
Ảnh hưởng của việc mua lại nợ đã bán cho VAMC	272.595	107.377
Số dư cuối năm	682.013	172.740

12. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Mua nợ bằng VND	9.150	9.150
Mua nợ bằng ngoại tệ	32.998	31.896
Dự phòng rủi ro	(16.532)	(8.189)
	25.616	32.857

Phân tích dư nợ theo chất lượng như sau:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Nhóm 5- Nợ có khả năng mất vốn	32.998	31.896
Mua nợ của công ty con	9.150	9.150
	42.148	41.046

Giá trị nợ gốc của các khoản nợ đã mua như sau:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ gốc đã mua	42.148	41.046

13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Chứng khoán nợ do Chính phủ và các Cơ quan thuộc Chính phủ phát hành	25.141.360	24.525.765
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	6.446.078	5.446.816
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	6.365.055	6.098.164
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	389.132	858.436
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	12.000	12.000
	38.353.625	36.941.181
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	(89.345)	(95.146)
	38.264.280	36.846.035

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán nợ		
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	3.313.919	9.319.142
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	(882.647)	(1.263.314)
	2.431.272	8.055.828

(i) Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	5.574	10.156
Dự phòng chung chứng khoán sẵn sàng để bán	83.771	84.990
	89.345	95.146

14. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	10.036	9.251

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu VND	Các tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	35.324	409.651	86.042	90.343	872	622.232
Mua sắm trong năm	42	76.664	8.921	1.787	-	87.414
Thanh lý trong năm	(325)	(565)	(482)	(843)	-	(2.215)
Phân loại lại	-	-	-	(59)	59	-
Số dư cuối năm	35.041	485.750	94.481	91.228	931	707.431
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	14.786	338.181	61.254	79.679	820	494.720
Khấu hao trong năm	797	37.870	8.203	4.577	20	51.467
Thanh lý trong năm	(325)	(364)	(482)	(825)	-	(1.996)
Phân loại lại	-	-	-	(50)	50	-
Số dư cuối năm	15.258	375.687	68.975	83.381	890	544.191
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	20.538	71.470	24.788	10.664	52	127.512
Số dư cuối năm	19.783	110.063	25.506	7.847	41	163.240

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH THUÊ TÀI CHÍNH

	2018 Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	312.780
Thanh lý trong năm	(312.780)
Số dư cuối năm	-
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	49.498
Khấu hao trong năm	-
Thanh lý trong năm	(49.498)
Số dư cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	263.282
Số dư cuối năm	-

17. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	70.065	348.850	1.912	420.827
Tăng trong năm	-	50.217	1.299	51.516
Thanh lý trong năm	(17.832)	-	-	(17.832)
Số dư cuối năm	52.233	399.067	3.211	454.511
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	237.584	1.579	239.163
Khấu hao trong kỳ	-	47.348	525	47.873
Số dư cuối năm	-	284.932	2.104	287.036
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	70.065	111.266	333	181.664
Số dư cuối năm	52.233	114.135	1.107	167.475

18. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nhà và quyền sử dụng đất
2018
Triệu VND

Nguyên giá	
Số dư đầu năm	998.650
Tăng trong năm	254.436
Giảm khác trong năm	(1.236)
Số dư cuối năm	1.251.850
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	139.620
Khấu hao trong năm	24.625
Giảm khác trong năm	(52)
Số dư cuối năm	164.193
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	859.030
Số dư cuối năm	1.087.657

19. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2018	31/12/2017
	Triều VND	Triều VND
Các khoản phải thu		
Phải thu từ các hợp đồng bán nợ cho đối tác	7.405.756	4.483.076
Đặt cọc thuê văn phòng	709.669	583.516
Phải thu từ các hợp đồng tài trợ thương mại	963.474	747.479
Các khoản tạm ứng và phải thu khác	567.203	548.348
Phải thu từ các hợp đồng bán nợ khác	535.678	535.678
Các khoản tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	328.274	416.342
Tạm ứng cho các hoạt động xử lý tài sản xiết nợ	228.081	194.967
Phải thu từ thoái vốn đầu tư	119.963	119.963
Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định	147.522	116.075
Các khoản phải thu ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 39)	29	45.026
	11.005.649	7.790.470
Các khoản lãi và phí phải thu		
Lãi phải thu từ tiền gửi	23.193	5.597
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	1.649.301	1.774.159
Lãi phải thu từ cho vay	1.338.162	1.548.890
Lãi phải thu từ giao dịch phái sinh	120.607	44.701
Phí phải thu	6.470	3.522
	3.137.733	3.376.869
Tài sản có khác		
Vật liệu và công cụ	31.927	39.335
Chi phí chờ phân bổ	136.064	565.771
Tài sản nhận gán nợ	4.342.007	2.876.207
Phải thu từ mua bán chứng khoán	2.214.356	1.845.119
Ủy thác đầu tư	109	81
Thanh toán khác giữa các TCTD	317.928	-
Lợi thế thương mại (i)	65.036	75.018
	7.107.427	5.401.531
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác (ii)	(885.514)	(602.504)
	20.365.295	15.966.366

(i) Lợi thế thương mại

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tổng giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")	99.823	99.823
Thời gian phân bổ (năm)	10	10
- Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	24.805	14.823
- Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	75.018	85.000
Lợi thế thương mại giảm trong năm		
- Giá trị LTTM phân bổ trong năm	(9.982)	(9.982)
Tổng giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ cuối năm	65.036	75.018

Đây là giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại FCCOM (trước đây gọi là MSB FC) trong năm 2015.

(ii) Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác bao gồm:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng cho số tiền chưa thu được của nợ đã bán	360.233	521.226
Dự phòng chung	50.966	41.054
Dự phòng cụ thể	309.267	480.172
Dự phòng rủi ro khác	525.281	81.278
	885.514	602.504

20. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	9.681.073	1.990.120
Vay thực hiện Dự án hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống thanh toán	27.315	29.537
	9.708.388	2.019.657

21. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	9.356.667	3.110.436
Bằng ngoại tệ	91.936	103.840
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	10.466.426	4.746.333
Bằng ngoại tệ	1.955.760	4.904.348
	21.870.789	12.864.957

Vay các TCTD khác		
Bằng VND	9.426.308	14.138.701
Bằng ngoại tệ	6.373.714	2.530.493
	15.800.022	16.669.194
	37.670.811	29.534.151

22. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	10.888.026	9.660.707
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.384.926	1.829.446
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	48.217.576	44.045.847
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.534.214	931.886
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng VND	397.648	259.620
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	45.650	5.253
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	39.096	75.659
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	21.634	40.097
	63.528.770	56.848.515

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	23.528.017	17.536.189
Tiền gửi của cá nhân	40.000.753	39.312.326
	63.528.770	56.848.515

23. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	-	1.035
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	5.584.977	5.267.864
Trái phiếu thường		
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	830.000	80.000
Trên 5 năm	2.000.000	2.000.000
	8.414.977	7.348.899

24. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản lãi, phí phải trả		
Lãi phải trả cho tiền gửi	314.047	202.494
Lãi phải trả cho tiền gửi tiết kiệm	610.128	673.063
Lãi phải trả cho các giấy tờ có giá	238.553	447.905
Lãi phải trả cho tiền vay	86.837	57.808
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	73.743	46.022
	1.323.308	1.427.292
Các khoản phải trả và nợ khác		
- Thuế phải nộp cho ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 39)	170.975	67.645
- Cổ tức phải trả	4.236	4.266
- Phải trả cán bộ công nhân viên	141.259	159.719
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành	42.892	44.684
- Các khoản chờ thanh toán	1.653.216	159.000
- Doanh thu chờ phân bổ	358.440	301.918
- Cổ tức nhận hộ	76.944	76.944
- Các khoản phải trả khác	692.026	471.622
	3.139.988	1.285.798
	4.463.296	2.713.090

25. VỐN VÀ CÁC QUỸ

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm

	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Cổ phiếu quỹ Triệu VND	Quỹ đầu tư phát triển Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ đầu tư xây dựng cơ bản Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2018	11.750.000	400.000	(270.730)	12.958	529.542	141.554	608	1.158.010	13.721.942
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	868.289	868.289
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(769.925)	-	-	-	-	-	(769.925)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	12.772	6.656	-	(19.428)	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(152)	-	-	-	(152)
Số dư tại ngày 31/12/2018	11.750.000	400.000	(1.040.655)	12.958	542.162	148.210	608	2.006.871	13.820.154

Vốn cổ phần

	31/12/2018	
	Số cổ phiếu	Triệu VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.175.000.000	11.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	1.175.000.000	11.750.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	100.522.811	1.040.655
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	1.074.477.189	10.709.345

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Ngân hàng mua lại đều bị tạm dừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2018	2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại NHNNVN và các TCTD khác	173.954	97.932
Cho vay khách hàng và cho vay các TCTD khác	3.490.748	3.333.386
Các khoản đầu tư chứng khoán nợ	2.742.316	2.334.490
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	54.763	51.039
Các hoạt động tín dụng khác	1.049.665	306.492
	7.511.446	6.123.339

27. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2018	2017
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản tiền gửi	3.238.234	3.094.119
Các khoản tiền vay	662.955	521.623
Phát hành giấy tờ có giá	584.782	578.303
Các hoạt động tín dụng khác	123.204	327.217
	4.609.175	4.521.262

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2018	2017
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ		
Dịch vụ thanh toán	362.960	285.237
Dịch vụ ngân quỹ	8.464	5.454
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	45.930	755
Dịch vụ khác	45.718	32.910
	463.072	324.356
Chi phí hoạt động dịch vụ cho		
Dịch vụ thanh toán và bưu phí	(153.380)	(121.291)
Dịch vụ khác	(38.106)	(66.542)
	(191.486)	(187.833)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	271.586	136.523

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	375.069	135.493
Thu nhập từ kinh doanh vàng	33	41
Thu nhập từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	642.941	426.014
	1.018.043	561.548
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Chi phí từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(64.344)	(141.222)
Chi phí về kinh doanh vàng	(2)	(3)
Chi phí từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(744.283)	(355.115)
	(808.629)	(496.340)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	209.414	65.208

30. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	27.550
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(332)	(222)
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8)	(14.074)	5.039
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(14.406)	32.367

31. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.450.618	1.370.252
Chi về mua bán chứng khoán đầu tư	(735.507)	(338.616)
Biến động dự phòng chứng khoán sẵn sàng để bán		
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá	4.582	18.275
- Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng chung	1.219	(20.093)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	720.912	1.029.818

32. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác		
- Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	318.993	64.645
- Thu từ cho thuê văn phòng	92.395	85.876
- Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ	39.537	197
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, bất động sản	12.108	205.133
- Thu nhập khác	197.040	107.650
	660.073	463.501
Chi phí hoạt động kinh doanh khác		
- Chi phí từ thanh lý công cụ dụng cụ	(218)	(1.890)
- Chi về nghiệp vụ mua bán nợ	-	(2)
- Chi phí khác	(69.411)	(80.226)
	(69.629)	(82.118)
Lãi thuần từ hoạt động khác	590.444	381.383

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	44.905	39.747
Chi phí cho nhân viên		
- Chi lương và phụ cấp	1.069.732	839.809
- Các khoản chi đóng góp theo lương	62.270	51.023
- Chi trợ cấp (ăn ca, trang phục, y tế...)	41.168	37.200
- Chi khác cho nhân viên	24.906	15.356
Chi về tài sản		
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.340	104.556
- Chi sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định	70.608	84.988
- Chi thuê tài sản cố định	199.856	179.485
- Chi mua sắm công cụ lao động	54.091	21.476
- Chi bảo hiểm tài sản	7.769	10.024
Chi cho hoạt động quản lý công vụ		
- Công tác phí	73.102	70.878
- Chi quảng cáo, khuyến mại	88.738	91.421
- Chi thuê chuyên gia, tư vấn	88.089	172.370
- Chi hoạt động quản lý công vụ khác	488.201	303.216
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	66.961	67.435
Chi phí dự phòng (không bao gồm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng)	444.003	(23.122)
	2.923.739	2.065.862

34. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Trích lập dự phòng cụ thể tiền gửi và cho vay các TCTD khác	10.618	788
Biến động dự phòng cho vay khách hàng		
- Trích lập dự phòng chung	55.799	17.950
- Trích lập dự phòng cụ thể	937.433	186.997
Biến động dự phòng mua bán nợ		
- Hoàn nhập dự phòng chung	-	(266)
- Trích lập dự phòng cụ thể	9.943	33.668
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	(113.205)	435.432
Biến động dự phòng rủi ro cho số tiền chưa thu được của nợ đã bán		
- Trích lập dự phòng chung	9.912	10.172
- (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng cụ thể	(170.905)	332.618
	739.595	1.017.359

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	184.487	39.212
Điều chỉnh thuế các năm trước	-	3.185
	184.487	42.397

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.052.776	164.429
Thuế tính theo thuế suất của Ngân hàng	210.749	32.886
Thu nhập không chịu thuế	(7.248)	(79)
Phân bổ lợi thể thương mại	1.996	1.996
Chi phí không được khấu trừ thuế	11.066	5.115
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(8.882)	(706)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(23.194)	-
Điều chỉnh thuế các năm trước	-	3.185
	184.487	42.397

(c) Thuế suất áp dụng

MSB có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận tính thuế (2017: 20%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018	2017
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	868.289	122.032

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2018	2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.144.470.372	1.144.470.372
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông mua lại trong năm	(4.794.054)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	1.139.676.318	1.144.470.372

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018	2017
	VND/ cổ phiếu	VND/ cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	762	107

37. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt, vàng	2.337.874	1.996.872
Tiền gửi tại NHNNVN	2.406.346	3.448.104
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	10.189.487	4.043.282
Tiền gửi tại các TCTD với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	7.027.880	3.365.725
	21.961.587	12.853.983

38. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2018	2017
	Triệu VND	Triệu VND
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	4.594	4.012
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương	1.088.877	829.063
2. Phụ cấp và thu nhập khác	1.725	1.614
Tổng thu nhập	1.090.602	830.677
- Tiền lương bình quân tháng	19,75	17,22
- Thu nhập bình quân tháng	19,78	19,25

39. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	31/12/2017 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Phải thu Ngân sách Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.026	(45.026)	-	-
Thuế khác	-	-	29	29
Phải trả Ngân sách Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	25.854	74.725	(88.269)	12.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.642	139.461	(24.595)	152.508
Các loại thuế khác	4.149	95.150	(93.142)	6.157
	67.645	309.336	(206.006)	170.975

40. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

	31/12/2018			31/12/2017		
	Triệu VND			Triệu VND		
	Giá thị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá thị theo hợp đồng - thuần	Giá thị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá thị theo hợp đồng - thuần
Bảo lãnh vay vốn	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000
Cam kết giao dịch hối đoái	95.137.019	-	95.137.019	105.159.681	-	105.159.681
Trong đó:						
• Cam kết mua ngoại tệ	4.051.866	-	4.051.866	4.129.576	-	4.129.576
• Cam kết bán ngoại tệ	4.050.683	-	4.050.683	4.127.063	-	4.127.063
• Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	87.034.470	-	87.034.470	96.903.042	-	96.903.042
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.907.924	(106.130)	1.801.794	1.917.493	(50.853)	1.866.640
Các cam kết khác	4.501.090	(221.831)	4.279.259	7.708.912	(116.267)	7.592.645

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý

MSB theo dõi thông tin chia theo các vùng địa lý chính như sau:

	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tài sản	113.528.175	6.129.031	18.111.483	137.768.689
Nợ phải trả	100.597.686	5.979.256	17.371.592	123.948.534
Tài sản cố định – thuần	255.773	22.349	52.593	330.715
Năm 2018				
Doanh thu	10.362.453	277.726	2.685.177	13.325.356
Chi phí	9.580.318	417.699	2.274.562	12.272.579
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	782.135	(139.974)	410.615	1.052.776

42. CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, MSB có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Các điều khoản của những giao dịch này được thực hiện theo các quy định của MSB.

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản/(Nợ phải trả)	
	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (“VNPT”) - Cổ đông lớn		
• Tiền gửi thanh toán	(25.667)	(22.821)
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này		
• Tiền gửi	(89.328)	(40.526)
• Tiền vay	21.532	15.371

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	Doanh thu/(Chi phí)	
	2018	2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (“VNPT”)- Cổ đông lớn		
• Chi phí lãi tiền gửi	(100)	(80)
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này		
• Thù lao	(77.100)	(65.933)
• Chi phí lãi tiền gửi	(2.405)	(981)
• Thu nhập lãi tiền vay	994	880

43. Quản lý rủi ro tài chính

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà MSB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà MSB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Chính sách quản lý rủi ro

Định hướng của MSB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động quan trọng giúp MSB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, MSB đã kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh và thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, MSB cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, MSB đã sử dụng có hiệu quả Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của MSB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước. Trong những trường hợp cần thiết, rủi ro thanh khoản còn được hạn chế thông qua việc sử dụng các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. MSB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung. Theo đó, toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của MSB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép MSB giám sát hiệu quả hơn các biến động về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

44. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Để quản trị hiệu quả các rủi ro này, MSB đã ban hành các quy định về thẩm định và phê duyệt tín dụng bao gồm đầy đủ các văn bản, quy định, quy trình, hướng dẫn về hoạt động tín dụng từ khâu phân tích thị trường, lựa chọn danh mục khách hàng tiềm năng, phát triển/thẩm định khách hàng, phân tích phương án kinh doanh đến phê duyệt và quản lý khoản tín dụng sau phê duyệt. Đặc biệt, MSB đã áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với tất cả các đối tượng khách hàng. Từ đó, MSB kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc thiết lập và kiểm soát hệ thống hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà MSB có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Công tác thẩm định, định giá tài sản bảo đảm tiếp tục được hoàn thiện với việc xây dựng, ban hành, định kỳ cập nhật chính sách khung tài sản bảo đảm quy định cơ sở, phương pháp định giá và quản lý tài sản bảo đảm thống nhất toàn hệ thống. Hoạt động tác nghiệp về tài sản bảo đảm được thực hiện bảo đảm tính độc lập, có cơ chế giám sát, quản lý và kiểm soát chất lượng định giá đối với công tác định giá, phù hợp với yêu cầu kinh doanh của MSB.

Công tác giám sát tín dụng được triển khai và báo cáo thường xuyên theo quy định của NHNNVN cũng như quy định nội bộ nhằm cung cấp một cách kịp thời, chính xác về tình hình hoạt động tín dụng và đánh giá mức độ tập trung rủi ro tín dụng cũng như đưa ra các cảnh báo sớm kèm theo chế tài phù hợp đối với những phát sinh bất thường trong hoạt động tín dụng.

Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị giảm giá

Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị giảm giá trị của MSB bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228 và Thông tư 89.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày dưới đây:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91-180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181-360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Cho vay khách hàng	180.087	4.882	3.345	255.500	443.814
	180.087	4.882	3.345	255.500	443.814

Chi tiết về các tài sản đảm bảo MSB nắm giữ làm tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Bất động sản	36.006.919	20.742.272
Động sản	5.293.331	4.617.012
Giấy tờ có giá	15.779.992	15.650.587
Các tài sản đảm bảo khác	76.188.348	48.770.492
	133.268.590	89.780.363

Giá trị của tài sản đảm bảo được định giá hàng năm hoặc tại thời điểm cho vay theo ước tính của MSB và người đi vay.

45. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình MSB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của MSB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

MSB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và sự sẵn có của hệ thống thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảm thiểu rủi ro. Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của MSB.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của MSB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn hợp đồng, theo khả năng trả nợ thực tế của người vay hoặc theo nhu cầu rút tiền thực tế của người gửi tiền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Triệu VND)

	Quá hạn Dưới 3 tháng	Quá hạn Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1–3 tháng	Từ 3–12 tháng	Từ 1–5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN								
Tiền mặt và vàng	-	-	2.337.874	-	-	-	-	2.337.874
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.406.346	-	-	-	-	2.406.346
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác								
– gộp	226.000	-	15.331.771	4.243.012	3.000.000	10.250	-	22.811.033
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	127.927	-	-	-	-	127.927
Cho vay khách hàng								
– gộp	1.465.902	1.167.873	3.379.522	9.220.159	14.083.099	12.147.869	7.297.819	48.762.243
Hoạt động mua nợ – gộp	42.148	-	-	-	-	-	-	42.148
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	1.451.935	1.301.000	2.057.787	14.908.887	21.947.935	41.667.544
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	-	10.036	10.036
Tài sản cố định – thuần	-	-	-	-	-	-	330.715	330.715
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	1.087.657	1.087.657
Tài sản có khác - gộp	742.373	1.959.411	129.471	2.436.949	1.019.892	7.437.625	7.525.089	21.250.810
	2.476.423	3.127.284	25.164.846	17.201.120	20.160.778	34.504.631	38.199.251	140.834.333
NỢ PHẢI TRẢ								
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	-	-	9.681.073	-	-	-	27.315	9.708.388
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	29.703.248	3.813.722	4.153.841	-	-	37.670.811
Tiền gửi của khách hàng	-	-	31.169.676	12.344.463	18.246.107	1.743.057	25.467	63.528.770
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	18.851	111.565	25.901	5.975	-	162.292
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	18.932	-	2.670.755	3.725.290	2.000.000	8.414.977
Các khoản nợ khác	-	-	2.253.228	1.942.514	267.485	69	-	4.463.296
	-	-	72.845.008	18.212.264	25.364.089	5.474.391	2.052.782	123.948.534
Mức chênh thanh khoản ròng	2.476.423	3.127.284	(47.680.162)	(1.011.144)	(5.203.311)	29.030.240	36.146.469	16.885.799

46. Rủi ro thị trường

(a) Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của MSB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản nợ cụ thể.

MSB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ- Có trên khía cạnh thu nhập từ lãi toàn hàng, đánh giá mức độ tác động của lãi suất tới thu nhập MSB dựa trên các kịch bản giả định về biến động của lãi suất.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của MSB được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Triệu VND)

	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1–3 tháng	Từ 3–6 tháng	Từ 6–12 tháng	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN									
Tiền mặt và vàng	-	2.337.874	-	-	-	-	-	-	2.337.874
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.406.346	-	-	-	-	-	2.406.346
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	226.000	-	15.342.021	4.243.012	-	3.000.000	-	-	22.811.033
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	127.927	-	-	-	-	-	-	127.927
Cho vay khách hàng – gộp	2.633.775	-	24.383.044	8.457.877	8.206.810	2.080.928	2.432.816	566.993	48.762.243
Hoạt động mua nợ – gộp	42.148	-	-	-	-	-	-	-	42.148
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	3.715.050	2.872.474	3.878.000	760.000	2.760.000	6.701.085	20.980.935	41.667.544
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	10.036	-	-	-	-	-	-	10.036
Tài sản cố định – thuần	-	330.715	-	-	-	-	-	-	330.715
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	1.087.657	1.087.657
Tài sản có khác - gộp	2.701.784	18.549.026	-	-	-	-	-	-	21.250.810
	5.603.707	25.070.628	45.003.885	16.578.889	8.966.810	7.840.928	9.133.901	22.635.585	140.834.333
NỢ PHẢI TRẢ									
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	-	-	9.681.073	-	-	-	-	27.315	9.708.388
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	29.407.566	4.109.404	2.211.627	1.942.214	-	-	37.670.811
Tiền gửi của khách hàng	-	-	30.549.497	12.344.463	10.405.156	7.840.950	1.743.057	645.647	63.528.770
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	18.851	111.565	29.048	(3.147)	5.975	-	162.292
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	18.932	-	-	2.644.341	3.751.704	2.000.000	8.414.977
Các khoản nợ khác	-	4.458.097	5.199	-	-	-	-	-	4.463.296
	-	4.458.097	69.681.118	16.565.432	12.645.831	12.424.358	5.500.736	2.672.962	123.948.534
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất	5.603.707	20.612.531	(24.677.233)	13.457	(3.679.021)	(4.583.430)	3.633.165	19.962.623	16.885.799

Bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của MSB với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng.
Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Loại tiền	Mức tăng lãi suất 31/12/2018	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế cho năm kết thúc ngày 31/12/2018
		Triệu VND
VND	1,00%	(20.166)
USD	0,25%	(12.123)

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là Đồng Việt Nam. Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có (“Hội đồng ALCO”) của Ngân hàng được thành lập có chức năng quản trị rủi ro thanh khoản, quản trị rủi ro thị trường, quản trị rủi ro hoạt động của Ngân hàng. Các Ban chuyên môn của Hội đồng ALCO có trách nhiệm xây dựng và quản lý chính sách, mô hình đo lường, công cụ phòng ngừa rủi ro trong hoạt động mình đảm nhiệm để đề xuất lên Hội đồng ALCO quyết định nhằm duy trì, phát triển năng lực cạnh tranh, hiệu quả và bảo đảm khả năng thanh khoản của Ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Triệu VND)

	USD	EUR	Tiền tệ khác và vàng	Tổng cộng
TÀI SẢN				
Tiền mặt và vàng	536.553	282.231	295.597	1.114.381
Tiền gửi tại NHNNVN	767.123	-	-	767.123
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	2.730.015	42.268	172.223	2.944.506
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7.495.951	-	-	7.495.951
Cho vay khách hàng – gộp	3.148.491	-	-	3.148.491
Hoạt động mua nợ- gộp	32.998	-	-	32.998
Tài sản có khác – gộp	1.259.555	80.704	24.775	1.365.034
	15.970.686	405.203	492.595	16.868.484
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	27.315	-	-	27.315
Tiền gửi và vay các TCTD khác	8.303.444	93.232	24.734	8.421.410
Tiền gửi của khách hàng	3.804.250	137.297	44.876	3.986.423
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	177.559	485.136	662.695
Các khoản nợ khác	1.624.414	1.788	8.522	1.634.724
	13.759.423	409.876	563.268	14.732.567
Trạng thái tiền tệ nội bảng	2.211.263	(4.673)	(70.673)	2.135.917

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới lợi nhuận sau thuế của MSB trong trường hợp:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	VND tăng giá 1% so với USD và EUR	VND giảm giá 1% so với USD và EUR
<u>Loại tiền tệ</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
USD	(17.690)	17.690
EUR	37	(37)
	(17.653)	17.653

47. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.
Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của MSB trong các trường hợp có thể xác định được:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH							
Tiền mặt và vàng	2.337.874	-	-	-	-	2.337.874	2.337.874
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.406.346	-	-	2.406.346	2.406.346
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	-	-	22.811.033	-	-	22.811.033	(*)
Chứng khoán kinh doanh – gộp	127.927	-	-	-	-	127.927	(*)
Cho vay khách hàng – gộp	-	-	48.762.243	-	-	48.762.243	(*)
Hoạt động mua nợ- gộp	-	-	42.148	-	-	42.148	(*)
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	3.313.919	-	38.353.625	-	41.667.544	(*)
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	10.036	-	10.036	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	20.935.296	-	-	20.935.296	(*)
	2.465.801	3.313.919	94.957.066	38.363.661	-	139.100.447	
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH							
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	-	-	-	-	9.708.388	9.708.388	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	37.670.811	37.670.811	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	63.528.770	63.528.770	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh	162.292	-	-	-	-	162.292	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	8.414.977	8.414.977	(*)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	4.107.117	4.107.117	(*)
	162.292	-	-	-	123.430.063	123.592.355	

(*) MSB chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

48. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được MSB áp dụng:

	Tỷ giá ngày	
	31/12/2018	31/12/2017
	VND	VND
USD	23.200,00	22.425,00
EUR	26.541,50	27.111,00
GBP	29.316,50	30.547,00
CHF	23.524,00	23.194,00
JPY	209,40	201,27
SGD	16.930,00	16.983,00
CAD	17.036,00	18.067,00
AUD	16.336,00	17.693,00

49. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt vào ngày 1 tháng 4 năm 2019.

Ngày 1 tháng 4 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người duyệt

Nileshe Ratilal Banglorewala
Kế toán trưởng



Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN

Họ tên	CMT- ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Nơi cấp	Tổng số CP	% Cổ phần
Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	0100684378	17/08/2010	KT- ĐT Hà Nội	57 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội	71.577.141	6,09

Phát triển mạng lưới chi nhánh/PGD năm 2018

51

 Tỉnh thành

272



Chi nhánh &
Phòng giao dịch

- 
01. An Giang
 02. Bà Rịa Vũng Tàu
 03. Bạc Liêu
 04. Bắc Giang
 05. Bắc Ninh
 06. Bến Tre
 07. Bình Dương
 08. Bình Định
 09. Bình Phước
 10. Bình Thuận
 11. Cà Mau
 12. Cần Thơ
 13. Đà Nẵng
 14. Đắk Lắk
 15. Đồng Nai
 16. Đồng Tháp
 17. Gia Lai
 18. Hà Nam
 19. Hà Nội
 20. Hà Tĩnh
 21. Hải Dương
 22. Hải Phòng
 23. Hậu Giang
 24. Huế
 25. Hưng Yên
 26. Khánh Hòa
 27. Kiên Giang
 28. Kon Tum
 29. Lạng Sơn
 30. Lào Cai
 31. Lâm Đồng
 32. Long An
 33. Nam Định
 34. Ninh Bình
 35. Ninh Thuận
 36. Nghệ An
 37. Phú Thọ
 38. Phú Yên
 39. Quảng Bình
 40. Quảng Nam
 41. Quảng Ngãi
 42. Quảng Ninh
 43. Tây Ninh
 44. Thái Bình
 45. Thái Nguyên
 46. Thanh Hóa
 47. Tiền Giang
 48. TP. Hồ Chí Minh
 49. Trà Vinh
 50. Vĩnh Long
 51. Vĩnh Phúc